





- Năm 2003 - 2004: Đầu tư hệ lò nung tuynen số 3 tại Nhà máy gạch Tiêu Giao và dây chuyền Sacmi số 2 tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy; Khởi công xây dựng Nhà máy gạch Hoàn Bò công suất 80 triệu viên QTC/năm.
- Năm 2004:
  1. 6/2004: Nhận bàn giao Nhà máy gạch Cotto Bình Dương của Công ty gốm XD Xuân Hòa; Đến 4/2006 di dời dây chuyền số 2 của Cotto Bình Dương về lắp đặt tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy; Tháng 4/2007 tiếp tục di dời dây chuyền còn lại của Nhà máy gạch Cotto Bình Dương về lắp đặt tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy (nâng tổng số dây chuyền tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy lên thành 04 dây chuyền, công suất thiết kế 4 triệu m<sup>2</sup> QTC/năm).
- Năm 2006: chuyển Công ty Gốm xây dựng Hạ Long thành Công ty Cổ phần Hạ Long Viglacera (Quyết định số 141/QĐ-BXD ngày 20/01/2006 của Bộ Xây dựng).
- Năm 2007: từ tháng 01/2007 đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Năm 2008: Công ty đạt giải vàng Chất lượng Việt Nam (số 2553/QĐ-BKH CN 17/11/2008).
- Công ty được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (Quyết định số 333/QĐ-CTN ngày 24/3/2008 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).
- Năm 2010: Công ty đạt giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương.
- Năm 2011:
  1. Đầu tư hệ lò nung tuynel số 4 chiều dài 120m tại Nhà máy gạch Tiêu Giao (khánh thành ngày 02/5/2011) nâng tổng công suất thiết kế đạt 180 triệu viên QTC/năm.
  2. Đầu tư dây chuyền số 5 tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy, nâng tổng công suất thiết kế toàn nhà máy đạt 4,5 tr m<sup>2</sup> QTC/năm.
  3. Công ty được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (Số 1316/QĐ-CTN ngày 10/8/2011 của Chủ tịch nước).
- Từ năm 2012 đến nay: Công ty đã hoàn thành tốt về công tác kinh doanh và được nhận các thành tích sau:
  1. Công ty được nhận cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ có thành tích xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước ngành xây dựng năm 2013.
  2. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam năm 2014.
  3. Doanh nghiệp vì người lao động năm 2014 - Đơn vị xuất sắc trong khối sản xuất tại Bảng xếp hạng do Báo Lao động tổ chức.
  4. Nhận cờ thi đua của Bộ Xây dựng; Cờ thi đua của Bộ Công an; Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.
  5. Bằng khen tổng liên đoàn lao động Việt Nam số 838/QĐ-TLĐ ngày 22/06/2015 – Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước CNVCLĐ góp phần xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh giai đoạn (2010 – 2015).
  6. Bằng khen Bộ Xây dựng số 725/QĐ-BXD ngày 23/06/2015 – Đã có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn (2010 – 2015).
  7. Bằng khen Liên đoàn lao động tỉnh Quảng Ninh số 119/QĐ-LĐLĐ ngày 24/06/2015 – Đã có thành tích xuất sắc trong công tác vận động nữ CNVCLĐ 5 năm (2010 – 2015).
  8. Nhận cờ thi đua vinh danh Đơn vị thi đua xuất sắc ngành Xây dựng tại Đại hội thi đua yêu nước ngành xây dựng giai đoạn (2010 – 2015).
  9. Bằng khen thành tích nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, áp dụng hiệu quả các mô hình quản lý tiên tiến, đóng góp tích cực cho phong trào năng suất, chất lượng của Việt Nam theo QĐ số 756/QĐ-TTg ngày 06/05/2016 của Thủ Tướng Chính phủ.



10. Cục sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1902 có tên sáng chế “ Giá đỡ xếp ngồi nung và phương pháp xếp ngồi trên giá đỡ này”.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

#### ➤ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất, khai thác và kinh doanh các chủng loại VLXD; tư vấn thiết kế, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất VLXD.

➤ *Địa bàn kinh doanh:* Kể từ khi Công ty TNHH MTV TM Viglacera Hạ Long được thành lập thì việc chuyên môn hóa trong công tác tiêu thụ sản phẩm đã được thực hiện một cách chuyên nghiệp hơn cụ thể được chứng minh tỷ trọng doanh thu của các vùng thị trường như sau:

- Thị trường Quảng Ninh - Hải Phòng: Đạt được 364,558 tỷ đồng, chiếm 22,28% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường khu 4: Đạt được 264,214 tỷ đồng, chiếm 16,15% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường Hà Nội: Đạt được 537,326 tỷ đồng, chiếm 32,85% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường Tây Bắc: Đạt được 87,359 tỷ đồng, chiếm 5,34% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường Miền Trung: Đạt được 162,73 tỷ đồng, chiếm 9,95% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường Miền Nam: Đạt được 44,905 tỷ đồng, chiếm 2,74% doanh thu toàn Công ty.
- Thị trường Xuất khẩu: Đạt được 150,408 tỷ đồng, chiếm 9,19% doanh thu toàn Công ty.
- Khách mua ngoài và doanh thu khác: Đạt được 24,605 tỷ đồng, chiếm 1,5% doanh thu toàn Công ty.

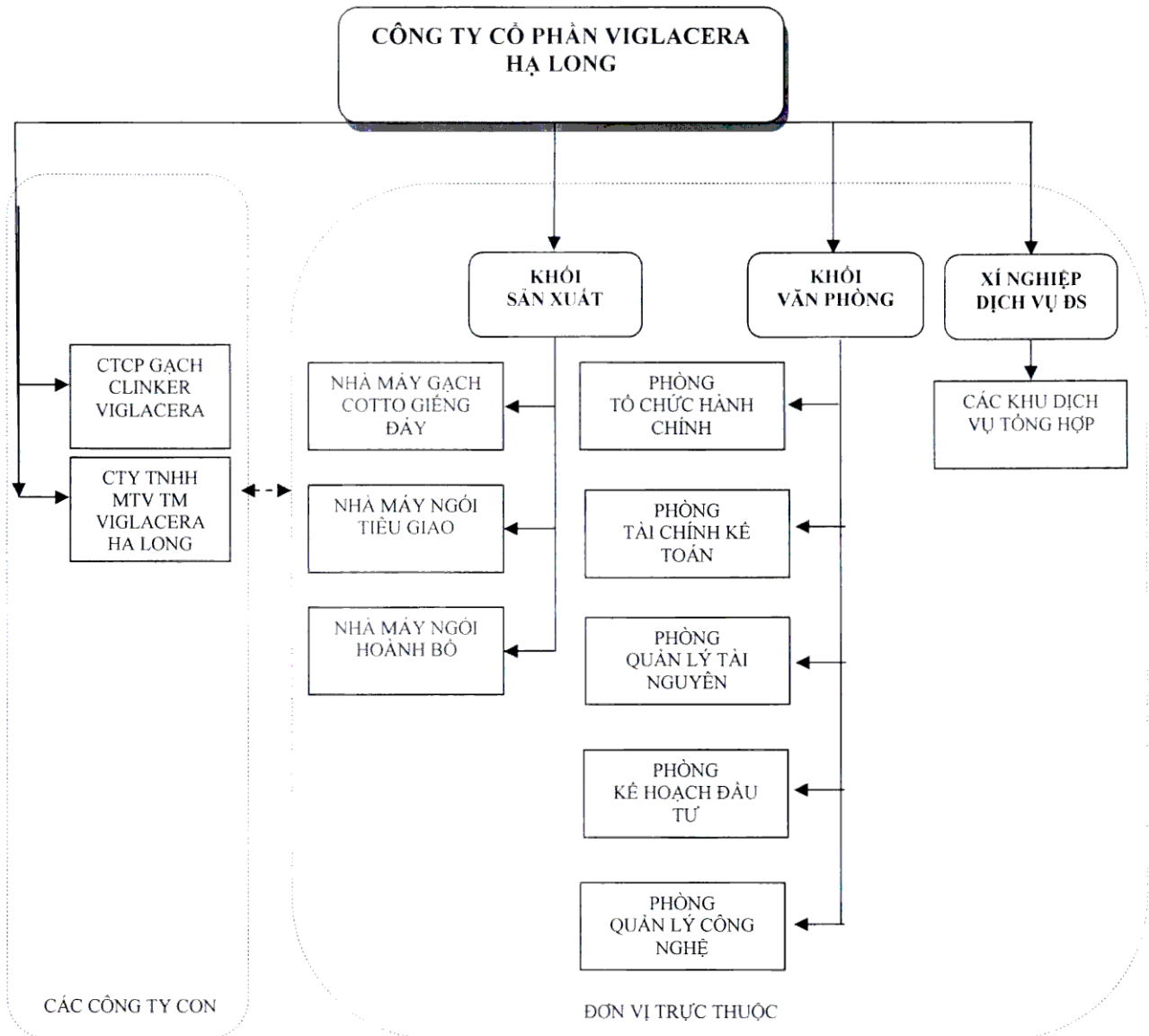
⇒ **Tổng doanh thu hợp nhất đạt được là: 1.636,105 tỷ đồng.**

010  
CÔNG  
CỔ P  
IGL  
HẠ  
2020

vt

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

**+ Cơ cấu bộ máy quản lý.**



Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long có 2 Công ty con là Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera và Công ty TNHH MTV Thương Mại Viglacera Hạ Long, các đơn vị phụ thuộc gồm có:

**❖ 3 Nhà máy gạch**

Nhà máy gạch có chức năng tổ chức vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

**▪ Nhà máy ngói Tiêu Giao**

Nhà máy được khánh thành vào ngày 10/12/1979 với công nghệ và dây chuyền do nước Bungari giúp đỡ (vì vậy nhà máy còn có tên gọi khác là Nhà máy Bungari). Tuy nhiên, sau khi khánh thành xong Nhà máy ngừng sản xuất luôn tới năm 1992. Đến 6/1992 Nhà máy Bungari bắt đầu được phục hưng và đưa vào sản xuất thử, đến 1993 thì sản xuất ổn định với 2 lò nung





tuynel công suất khoảng 40 triệu viên QTC/năm. Đến nay, Công ty đã đầu tư thêm 2 lò nung tuynel nâng tổng công suất lên hơn 180 triệu viên QTC/ năm.

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng Dự án chuyển đổi nhiên liệu sản xuất 100% ngói GĐ 2 tại Nhà máy ngói Tiêu Giao. Dự án được khai thác vào tháng 07/2019 với kết quả đạt và vượt mục tiêu của Dự án.

#### ▪ Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy

Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy ngày nay được xây dựng và phát triển trên nền móng của Nhà máy gạch Ba Lan cũ. Trong những năm thập niên 70 Nhà máy gạch Hạ Long được nước bạn Ba Lan giúp đỡ xây dựng với công nghệ lò vòng lạc hậu được gọi là lò Hópman. Ngày 20/08/1978 nhà máy gạch Hạ Long chính thức được thành lập và đưa vào sản xuất, công suất thiết kế ban đầu là 20 triệu viên QTC/năm với các loại sản phẩm chủ yếu như gạch xây 2 lỗ, gạch 47 lỗ,... Sau đó Nhà máy có tổ chức sản xuất thêm một số sản phẩm trang trí.

Nhà máy gạch Hạ Long sản xuất đến năm 1995 thì dừng hoạt động hoàn toàn và đến năm 2001 Công ty bắt đầu khởi công xây dựng Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy. Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy được đầu tư đồng bộ trên cơ sở tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại nhất trên Thế giới, tự động hoá hoàn toàn của hãng Sacmi – Italia, chuyên sản xuất các sản phẩm gạch ốp lát đất sét nung cao cấp.

Giai đoạn phát triển ban đầu Nhà máy có 02 dây chuyền với công suất thiết kế 2 triệu m<sup>2</sup> QTC/năm. Đến giai đoạn năm 2006 và 2007 Công ty tiếp nhận, di dời toàn bộ 02 dây chuyền Sacmi của Nhà máy gạch Cotto Bình Dương - Công ty Cổ phần Viglacera Xuân Hoà về lắp đặt, vận hành tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy, nâng công suất thiết kế toàn nhà máy lên 4 triệu m<sup>2</sup> QTC/năm. Năm 2011 Công ty hoàn thiện công tác đầu tư chiều sâu cho Nhà máy bằng dây chuyền số 5 (có xuất xứ từ Trung Quốc) với công suất thiết kế 0,5 triệu m<sup>2</sup> QTC/năm, chuyên phục vụ sản xuất các sản phẩm dị hình, sản phẩm kích thước lớn... Hiện nay, đơn vị đang vận hành ổn định 05 dây chuyền sản xuất với công suất đạt 7,5 triệu m<sup>2</sup> QTC/năm.

Sản phẩm chủ yếu của nhà máy hiện nay là các loại gạch ốp lát đa kích thước và đa màu sắc, từ kích thước nhỏ 100x100, 200x200 đến các kích thước thông thường như 300x300, 400x400, 500x500 và các kích thước khổ lớn như 608x608, 300x1000, 300x2400,...; Màu sắc sản phẩm đa dạng với các gam màu đỏ nhạt, đỏ đậm, kem vàng, sôcôla,... Ngoài ra, trong những năm gần đây Nhà máy đã nghiên cứu, sản xuất thành công các loại sản phẩm dùng cho trang trí nội ngoại thất có giá trị kinh tế và giá trị thẩm mỹ cao như tấm ốp tường không dùng vữa, gạch Clinker có độ hút nước thấp, ngói tráng men màu, gạch lát hoa văn chìm,...

#### ▪ Nhà máy ngói Hoàn Bò

Nhà máy ngói Hoàn Bò có địa chỉ tại xã Lê Lợi, Tp Hạ Long, Quảng Ninh, là đơn vị sản xuất các sản phẩm gạch ngói bằng lò nung tuynel thứ 2 của Công ty tương tự như Nhà máy ngói Tiêu Giao nhưng sử dụng công nghệ nung đốt là khí hoá than.

Nhà máy được khởi công xây dựng vào tháng 2/2004 và sau hơn 10 tháng thi công Nhà máy đã sản xuất ra những viên sản phẩm đầu tiên. Công trình xây dựng Nhà máy gạch Hoàn Bò có tiến độ thi công nhanh, chất lượng đảm bảo đã được UBND tỉnh Quảng Ninh khen thưởng và gắn biển công trình “Chào mừng 50 năm ngày giải phóng vùng mỏ Quảng Ninh 25/4/1955 - 25/4/2005”.

Là đơn vị được xây dựng sau các nhà máy khác của Công ty nên về quy mô, dây chuyền công nghệ, cơ sở hạ tầng của Nhà máy ngói Hoàn Bò đều được đầu tư đồng bộ, khang trang, hiện đại. Công suất thiết kế ban đầu của nhà máy là 80 triệu viên QTC/năm hiện nay đã vận hành ổn định với công suất 90 triệu viên QTC/năm.



Nhà máy luôn là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Từ việc làm chủ công nghệ nung đốt bằng khí hoá than - công nghệ hoàn toàn mới ở Việt Nam dùng cho nung đốt gạch ngói đất sét nung đến việc tận dụng nhiệt để sấy khô sản phẩm mộc, chủ động hoàn toàn về mộc xếp goòng trong mọi điều kiện, nhà máy đều là đơn vị tiên phong tìm hiểu, nghiên cứu và ứng dụng thành công. Cụ thể, trong năm 2016 Nhà máy đã đưa Dự án chuyển đổi sản xuất 100% ngói tại Nhà máy ngói Hoàn Bồ GD 1 vào hoạt động sản xuất thử từ ngày 19/01/2016 đến tháng 04/2016 tất cả các chỉ tiêu của Dự án đã đạt và vượt mục tiêu đề ra. Nhận thấy hiệu quả của việc chuyển đổi sản xuất 100% ngói tại Nhà máy ngói Hoàn Bồ, Ban Lãnh đạo Công ty đã mạnh mẽ trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 cho phép thông qua triển khai tiếp Dự án chuyển đổi 100% ngói GD 2 tại Nhà máy ngói Hoàn Bồ. Và đến nay Nhà máy đã vận hành thành công cả 2 giai đoạn của Dự án với kết quả đạt và vượt mục tiêu của Dự án.

#### ❖ **Xí nghiệp dịch vụ đời sống**

Xí nghiệp Dịch vụ Đời sống với chức năng nhiệm vụ chính là chăm lo cho đời sống người lao động.

Xí nghiệp đã tổ chức thành công mô hình ăn ca tự chọn tại các nhà máy với mức ăn là 22.000 đ/xuất (tùy vào giá cả thị trường) gồm 12-14 món ăn; đầu tư xây dựng và vận hành tốt các khu tắm giặt sấy nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho người lao động sau mỗi ca sản xuất. Đến tháng 9/2009 Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng trang trại rau sạch - thực phẩm sạch giao cho Xí nghiệp Dịch vụ đời sống quản lý và vận hành. Khi đi vào hoạt động ổn định, trang trại đã cung cấp đủ các loại thực phẩm an toàn cho các nhà ăn ca, đảm bảo chất lượng bữa ăn.

#### ❖ **Khối văn phòng**

##### ▪ **Phòng Tổ chức hành chính**

- Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty về lĩnh vực tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và công tác hành chính;
- Nghiên cứu, đề xuất việc sắp xếp, bố trí cán bộ trong toàn Công ty;
- Nghiên cứu các quy định, xây dựng, ban hành áp dụng quy chế trả lương, định mức lao động, và đơn giá tiền lương cho từng bộ phận, công đoạn trên toàn Công ty;
- Tham mưu xây dựng, ban hành và kiểm tra thực hiện các quy chế quản lý trong nội bộ Công ty;
- Nghiên cứu các quy định về chế độ chính sách và tham mưu thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động;
- Tổ chức tuyển dụng lao động cho các đơn vị
- Xây dựng kế hoạch đào tạo lại, đào tạo nâng cao hàng năm
- Tổ chức các cuộc họp, Hội nghị tổng kết, sơ kết định kỳ và hàng năm của Công ty.
- Tổ chức đón tiếp, bố trí lịch làm việc, phương tiện đi lại phục vụ cán bộ phòng ban Công ty.

##### ▪ **Phòng Kế hoạch đầu tư**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện chức năng quản trị liên quan công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, định mức kinh tế - kỹ thuật, đầu tư, vật tư, cơ điện toàn Công ty;
- Xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm;



- Chủ trì khảo sát, xây dựng, điều chỉnh các định mức kinh tế, kỹ thuật cho các sản phẩm, công đoạn sản xuất. Chủ trì tổ chức duyệt quyết toán chi phí hàng tháng các Đơn vị trực thuộc;
  - Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm, trực tiếp chịu trách nhiệm về hồ sơ, thủ tục đấu thầu và chủ trì lập hồ sơ thiết kế - dự toán, quyết toán, kiểm toán các hạng mục đầu tư máy móc thiết bị;
  - Kiểm duyệt các thiết kế, dự toán, quyết toán công trình phát sinh tại các Đơn vị thành viên;
  - Quản lý hệ thống điện cao thế và các trạm biến áp toàn Công ty;
  - Cung ứng các loại vật tư, nguyên nhiên liệu chính cho các đơn vị sản xuất như: Gas, than, dầu, khay, Pallet gỗ, hóa chất, vật tư đóng gói (vỏ hộp, dây đóng gói, băng dính, má kẹp, màng phin);
  - Quản lý kho vật tư, kiểm soát quy trình mua, sử dụng vật tư toàn Công ty;
  - Quản lý kho thành phẩm, kiểm soát quy trình nhập, xuất thành phẩm tại các đơn vị thành viên;
  - Phụ trách quản lý các thiết bị tin học, mạng điện thoại nội bộ và camera giám sát khối văn phòng;
- **Phòng Quản lý công nghệ**
- Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện chức năng quản trị liên quan công tác quản lý công nghệ, máy móc thiết bị tại các Đơn vị thành viên trong Công ty;
  - Quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm nhập kho và xuất bán ra thị trường hàng ngày. Theo dõi, tổng hợp sản lượng, chất lượng nhập kho hàng ngày. Kiểm tra xác suất vật tư đóng gói, nhúng chống thấm theo lô hàng;
  - Kiểm soát chất lượng trước khi nhập kho nguyên, nhiên liệu công nghệ đầu vào bao gồm (Đất, phụ gia, than, dầu các loại, dung dịch chống thấm, hóa chất, vỏ hộp, dây đóng dán, vật liệu chịu lửa, khay và Pallet các loại);
  - Thường trực Hội đồng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Công ty. Tổng hợp, lưu trữ các hồ sơ đề tài, sáng kiến, tham gia triển khai thực hiện và báo cáo đề xuất khen thưởng;
  - Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, định kỳ hàng quý và đột xuất lấy mẫu sản phẩm xác suất gửi cơ quan đủ năng lực kiểm tra, chứng nhận;
  - Chủ trì xây dựng bộ mẫu mẫu sản phẩm định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu quản lý chất lượng, tình hình sản xuất của Công ty;
  - Chủ trì, là trọng tài phân xử khi có tranh chấp giữa các đơn vị về công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào;
  - Phối hợp cùng các bộ phận lấy mẫu đất, phụ gia sản xuất gửi đến cơ quan có năng lực, thẩm quyền phân tích và lưu trữ kết quả 1 quý 1 lần.
  - Kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ tại các Đơn vị. Lập báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá báo cáo Lãnh đạo Công ty;
  - Phối hợp cùng các đơn vị kiểm soát các chương trình thử nghiệm liên quan công nghệ sản xuất sản phẩm, thử nghiệm nguyên liệu mới, theo dõi lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện;
  - Chủ trì xử lý thông tin phản hồi, khiếu kiện của khách hàng liên quan chất lượng sản phẩm xuất bán;
  - Giám sát việc khai thác đất sản xuất, đất thải tại các mỏ của Công ty;

✓





- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị: Lập, bổ sung, sửa đổi, ban hành và kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị tại các Đơn vị trực thuộc Công ty;
- Kiểm soát kế hoạch sửa chữa lớn MMTB hàng năm: Kiểm soát dự toán, tham gia kiểm tu, kiểm soát quyết toán sửa chữa lớn MMTB; Kiểm soát các thiết kế, dự toán, quyết toán công trình phát sinh về MMTB tại Nhà máy ngói Tiêu Giao và Nhà máy ngói Hoàn Bồ; Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy.
- Giám sát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy trình công nghệ sản xuất và quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các đơn vị trong hệ thống quản lý chất lượng do Công ty ban hành;
- Chủ trì lập hồ sơ đăng ký sản phẩm, thương hiệu, nhãn hiệu và các nội dung khác theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, Luật sở hữu hàng hóa;
- Thường trực Ban chỉ đạo ISO 9001:2015 Công ty: Soát xét việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong toàn Công ty; Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy trình cho phù hợp theo quy định; Tham mưu, giúp đại diện Lãnh đạo về chất lượng triển khai các nội dung định kỳ và phát sinh liên quan;
- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu phụ trách quản lý và mẫu sản phẩm do Công ty sản xuất qua các giai đoạn;

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

- Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Công ty các vấn đề về tài chính, kế toán trong Doanh nghiệp;
- Tổ chức bộ máy kế toán, hạch toán trong Công ty đảm bảo các quy định về tài chính, chuẩn mực kế toán;
- Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình tài sản, tiền vốn, vật tư trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Tính toán trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách;
- Lập báo cáo kế toán định kỳ cho các cơ quan quản lý Nhà nước và cấp trên;
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các thể lệ tài chính kế toán, thống kê và báo cáo kinh tế đối với các Đơn vị thành viên;
- Kiểm tra việc thực hiện các Quy chế về tài chính, tiền lương đối với các Đơn vị Phòng ban trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm; chủ trì kiểm tra việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản, xử lý các khoản tổn thất, thiếu hụt;
- Chủ trì làm báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm. Các báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.
- Quyết toán thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế TNCN hàng năm.
- Tổ chức lưu trữ, bảo quản chứng từ sổ sách và các tài liệu khác có liên quan đến công tác kế toán tài chính của Công ty

▪ **Phòng Quản lý tài nguyên**

+ **Bộ phận Quản lý tài nguyên.**





- Tham mưu, đề xuất chủ trương xin đầu tư thăm dò khoáng sản, xây dựng và lập kế hoạch thăm dò, xin cấp phép khai thác khoáng sản, đề xuất các biện pháp khai thác và sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả nhất.
- Tham mưu, đề xuất chủ trương xin đầu tư xây dựng các Dự án tại các Cơ quan chức năng và trực tiếp tiến hành các thủ tục về nghiên cứu quy hoạch chi tiết sử dụng đất, tổ chức công tác giải phóng mặt bằng và thực hiện lập các thủ tục Pháp lý kèm theo để được thuê đất và xin chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau khi sử dụng (Đối với khai thác khoáng sản).
- Tổ chức thực hiện các Văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt và triển khai các Dự án cải tạo phục hồi môi trường.
- Trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng về khai báo quyết toán thuế đất hàng năm. Gia hạn thuê đất đối với các thửa đất Công ty đang quản lý sử dụng.
- Khai thác và thu mua đất sét sản xuất cho toàn Công ty.
- Chịu trách nhiệm về việc tìm kiếm và khoan thăm dò các mỏ đất sét.

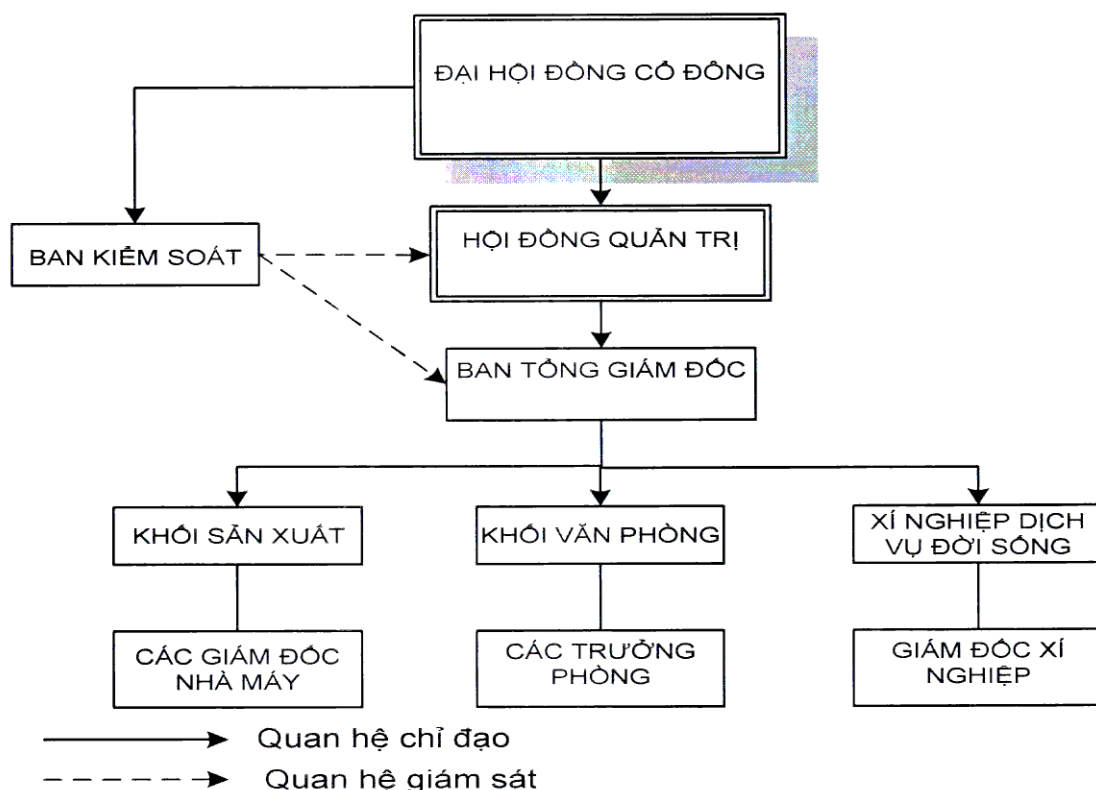
**+ Bộ phận Xây dựng cơ bản.**

- Là Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản tại các Đơn vị thành viên trong toàn Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc ban hành các Văn bản để thực hiện chức năng quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, trình tự, thủ tục và các quy định đầu tư xây dựng cơ bản tại các Đơn vị trong toàn Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu, đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản và lập kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn các hạng mục công trình tại các Đơn vị thành viên của Công ty. Phối hợp với các Đơn vị trực thuộc Công ty giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sửa chữa sau khi được phê duyệt.
- Tham mưu, lựa chọn và soạn thảo Hợp đồng tư vấn với các Đơn vị tư vấn, trình Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản do Tổng Giám đốc ký duyệt thuộc lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ bản tại các Đơn vị, Nhà máy trực thuộc.

T. C. P. H. A. N. H. A. N. H.

vet

### Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



#### • Các Công ty con, Công ty liên kết.

##### - Các Công ty con:

- Công ty TNHH MTV TM Viglacera Hạ Long: Chính thức hoạt động từ ngày 29/04/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701704733 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 10.000.000.000 VNĐ (100% vốn điều lệ do Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long góp). Công ty được thành lập với nhiệm vụ là đầu mối tiêu thụ các sản phẩm gạch ngói đất sét nung của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long và các đơn vị khác trong Tổng Công ty Viglacera.
- Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera: Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 VNĐ (Trong đó Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long chiếm tỷ lệ vốn góp là 99,9% vốn điều lệ). Lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất gạch ngói đất sét nung.

##### - Các Công ty liên kết:

- Công ty cổ phần thương mại Viglacera: Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long góp 2.000.000.000 VNĐ vốn điều lệ. Ngành nghề chính là kinh doanh thương mại.



- Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long 2: Chiếm 40% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều: Chiếm 40% vốn điều lệ.

## 5. Định hướng phát triển.

### ➤ Mục tiêu chất lượng của Công ty.

- Vận hành có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Công ty.
- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
  - + Lợi nhuận: 56,323 tỷ đồng.
  - + Doanh thu: 1.636,105 tỷ đồng.
  - + Thu nhập bình quân: 11,107 triệu đồng/người/tháng.
  - + Chia cổ tức: dự kiến 17%
- Nghiên cứu đầu tư, cải tạo mặt bằng, nhà xưởng, công cụ, dụng cụ nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm mới nhằm mục đích đa dạng mẫu mã, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong điều hành Công ty (trong công tác báo cáo, gửi văn bản, sử dụng mạng nội bộ ...) nhằm giảm thời gian tác nghiệp cho CBCNV trong Công ty.

### ➤ Chính sách chất lượng của Công ty.

Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long luôn phấn đấu để trở thành đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói đất sét nung tại Việt Nam. Phương châm hoạt động của Công ty là **“Chất lượng là cơ sở và điều kiện cho sự phát triển bền vững”**. Công ty công bố chính sách chất lượng như sau:

- Đặt quyền lợi, lợi ích của Công ty luôn song hành cho 05 nhóm đối tượng gồm:
  - + Người lao động (CBCNV).
  - + Khách hàng của Công ty.
  - + Các cổ đông của Công ty.
  - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và thực hiện trách nhiệm xã hội.
  - + Các đối tượng khác.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Tất cả CBCNV trong Công ty đều hiểu rõ và có ý thức, trách nhiệm thực hiện theo đúng các nội dung thể hiện trong Bộ tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng mà Công ty đã xây dựng.
- Thường xuyên đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

✓

- Không ngừng nghiên cứu, cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Môi trường làm việc an toàn, thân thiện và hợp tác.

✦ **Chiến lược phát triển trung, dài hạn.**

- Đầu tư công nghệ và trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng tiêu dùng trên cơ sở phát triển nguyên nhiên liệu đặc trưng vùng Đông Bắc.
- Tăng cường thu mua nguyên liệu ngoài và xin quy hoạch vùng nguyên liệu để đảm bảo dự trữ nguyên liệu cho dài hạn.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn yếu. Nâng cao thị phần và tăng cường công tác Xuất Khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Tập trung vào công tác chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Viglacera Hạ Long. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung vào công tác hỗ trợ và chăm sóc những khách hàng có doanh thu tốt đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty trong từng thời kỳ.

## 6. Các rủi ro.

❖ **Rủi ro về kinh tế**

- Sự phát triển và rủi ro của nền kinh tế thông thường được đánh giá thông qua các yếu tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Khi nền kinh tế đang trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ, sức cầu tăng mạnh tạo động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái, các yếu tố bất lợi xảy ra như lãi suất và lạm phát tăng cao, tỷ giá hối đoái có nhiều biến động, tăng trưởng GDP chững lại, nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh sẽ tạo lực cản đến sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Sự lây lan của Đại dịch Covid-19 dẫn đến suy thoái toàn cầu và gây bất ổn các thị trường tài chính và hàng hóa. Trong năm 2021 dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, những nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng cũng như nguồn cung lao động năm 2022 có thể trở lại với doanh nghiệp nếu Nhà nước không có các biện pháp kịp thời để kiểm soát hiệu quả dịch bệnh. Nhiều chuyên gia thương mại cho rằng: Các Bộ, ban ngành, các hiệp hội ngành hàng cần tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp, nới lại nhanh chuỗi sản xuất, khôi phục nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính Phủ. Một vấn đề cần lưu tâm trong thời gian tới là áp lực lạm phát cao của năm 2022 đối với kinh tế Việt Nam. Giá nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ thế giới liên tục tăng cao trong thời gian qua, giá dầu thô dự báo còn tăng trong thời gian tới do nhu cầu tăng mạnh trong khi nguồn cung hạn chế.
- Đối với thị trường sản xuất gạch ngói đất sét nung thì trong thời gian tới các nhà sản xuất trong nước sẽ bước vào cuộc đua tranh giành thị phần rất cam go, quyết liệt, bởi năng lực sản xuất đang vượt quá nhu cầu. Điều này dẫn đến lợi nhuận biên của Doanh nghiệp sẽ giảm xuống. Nếu không có chiến lược kinh doanh hợp lý, Doanh nghiệp sẽ không có lợi nhuận để tái đầu tư, nhất là cho công tác nghiên cứu và phát triển mẫu mã.





❖ **Rủi ro tài chính**

- Biến động lãi suất sẽ có tác động đến hoạt động tài chính của Công ty, Công ty đã hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán và giảm số dư nợ phải trả, đồng thời ở thời điểm hiện tại lãi suất trên thị trường cũng không ở mức cao, giảm bớt gánh nặng về rủi ro lãi suất. Do có một phần nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu từ nước ngoài, Công ty cũng chịu rủi ro ngoại hối khi thực hiện những giao dịch này.

❖ **Rủi ro về luật pháp**

- Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Là doanh nghiệp niêm yết trên SGDCK Hà Nội, Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Nghị định, Thông tư liên tịch trong lĩnh vực Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do hệ thống Luật pháp Việt Nam hiện nay chưa đồng bộ, các văn bản hướng dẫn cũng đang trong quá trình hoàn thiện cùng với sự điều chỉnh chính sách liên tục của Nhà nước như thay đổi chính sách tỷ giá, lạm phát, chính sách xuất nhập khẩu, điều chỉnh và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTCK và các công ty cổ phần, v.v... Những thay đổi trên có thể ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty cần thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để xây dựng chiến lược phát triển phù hợp.

❖ **Rủi ro thị trường**

- Với hoạt động chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn như chính sách giá, khối lượng hàng tồn kho ... có ảnh hưởng đến lượng cung của thị trường, qua đó, Công ty sẽ phải điều tiết kế hoạch kinh doanh tương ứng phù hợp với chính sách của đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, giá cả đầu vào của các nhà cung cấp nguyên vật liệu cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, thị trường bất động sản có nhiều biến động cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động của Công ty. Thị trường bất động sản biến động. Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm kiếm khách hàng và đảm bảo lợi nhuận. Nhìn chung, thị trường có tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, tiềm ẩn nhiều rủi ro và đòi hỏi công ty phải có khả năng quản lý, thích ứng nhanh nhạy với những biến động và giải quyết khó khăn.

❖ **Rủi ro đặc thù**

a) **Rủi ro đặc thù ngành nghề**

- Sản phẩm chủ lực của Công ty là gạch ngói đất sét nung, một sản phẩm tiêu hao nhiều nguyên nhiên liệu. Giá của xăng dầu tăng sẽ kéo theo sự gia tăng giá điện, than, gas và chi phí vận chuyển... gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như Viglacera Hạ Long.
- Ngoài ra, do đặc thù riêng của ngành, hoạt động sản xuất của Công ty không đòi hỏi cao về mức vốn đầu tư ban đầu, trình độ tay nghề của người lao động cũng như kiểm định khắt khe về chất lượng sản phẩm. Vì vậy, mức độ rào cản gia nhập ngành chỉ được đánh giá ở mức trung bình và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tương đối cao.

b) **Rủi ro nguồn nguyên vật liệu**

- Nguyên vật liệu chính để sản xuất các sản phẩm của Viglacera Hạ Long là Đất sét. Đây

✓

là nguồn nguyên liệu tự nhiên, dễ khai thác và vận chuyển. Hiện tại, Viglacera Hạ Long đang thực hiện khai thác nguồn nguyên liệu chủ yếu tại khu vực Phường Giếng Đáy, Phường Hà Khẩu thuộc Tp Hạ Long và vùng lân cận. Đây là vùng nguyên liệu có chất lượng đất sét nổi tiếng thế giới, được người Pháp tìm ra cách đây hơn 100 năm. Các nhà máy sản xuất được đặt tại vị trí gần các mỏ sét để thuận lợi trong việc vận chuyển và khai thác nguyên liệu. Với mục tiêu phát triển dài hạn, dự kiến trong những năm tới phòng Quản lý tài nguyên Công ty tiếp tục tổ chức xin cấp phép khai thác mới từ mỏ sét phục vụ sản xuất của Công ty. Đây là nguồn nguyên liệu ổn định và ít rủi ro.

- Tuy nhiên, đối với một số sản phẩm gạch Cotto, Công ty đang phải sử dụng nguồn nguyên liệu từ bên ngoài như đất sét trắng của Trúc Thôn - Đông Triều hoặc nhập khẩu như oxit tạo màu từ Trung Quốc. Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài có thể gây những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giá đầu vào, tính ổn định ... Vì vậy, Viglacera Hạ Long cần một kế hoạch dài hạn về nguồn nguyên liệu để chủ động và ổn định hoạt động sản xuất.
- Nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng cấu thành sản phẩm. Giá nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ không lớn trong chi phí sản xuất của doanh nghiệp, nhưng chất lượng nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới doanh thu và lợi nhuận. Viglacera Hạ Long tạo được sự chủ động tới 90% nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù thị trường trong nước và thế giới trong thời gian vừa qua có sự biến động tương đối lớn về giá cả, chi phí nguyên, nhiên liệu (xăng dầu, gas, chi phí vận chuyển), hoạt động kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng đáng kể về chi phí và doanh thu.



## **B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện các chỉ tiêu như: Doanh thu đạt 1.636,105 tỷ đồng với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 56,323 tỷ đồng.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu công ty	Đvt	Thực hiện 2021 (VHL)
1.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	Tr.đồng	1.636.105
2.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	56.323
3.	Lao động bình quân	Người	2.126
4.	Thu nhập bình quân (/tháng)	1.000đ	11.107

### **2. Tổ chức và nhân sự.**

Danh sách Ban điều hành Công ty.

Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND
Ông Trần Hồng Quang	Tổng giám đốc	52	001070011522
Ông Trần Duy Hưng	Phó Tổng giám đốc	47	100850989
Ông Phạm Duy Huân	Phó Tổng giám đốc	46	030076005488
Ông Phạm Minh Tuấn	Kế toán trưởng	53	100828946

#### **Ông Trần Hồng Quang: Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Trần Hồng Quang
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ tại công ty khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP gạch Clinker Viglacera.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Viglacera Đông Triều.
  - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV TM Viglacera Hạ Long.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Vân Hải.
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 04/1988 đến tháng 06/1996 là Công nhân cơ điện Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
  - Từ tháng 07/1996 đến tháng 01/1998 là Nhân viên phòng kinh doanh Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
  - Từ tháng 02/1998 đến tháng 12/2001 là Phó phòng kinh doanh Công ty gốm xây dựng Hạ Long.



- Từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2002 là Trưởng phòng kinh doanh Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
- Từ tháng 01/2003 đến tháng 04/2004 là Phó phòng kinh doanh Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
- Từ tháng 05/2004 đến tháng 03/2005 là Trưởng phòng kinh doanh Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
- Từ tháng 04/2005 đến tháng 02/2006 là Phó Giám đốc Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
- Từ tháng 03/2006 đến tháng 12/2011 là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 06/2012 là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 07/2012 đến nay là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 112.353 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.45 %
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không
- **Ông Trần Duy Hưng: Phó Tổng Giám đốc**
- Họ và tên: Trần Duy Hưng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại công ty khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera.
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long 2.
- Quá trình công tác:
  - Từ tháng 01/1999 đến tháng 10/1999: Đốc công Phân xưởng tại Nhà máy gạch Tiêu Giao - Công ty gốm xây dựng Hạ Long (Nay là Công ty CP Viglacera Hạ Long).
  - Từ tháng 10/1999 đến tháng 03/2003: Phó phòng kỹ thuật công nghệ - Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
  - Từ tháng 03/2003 đến tháng 05/2005: Phó Giám đốc Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty gốm xây dựng Hạ Long.
  - Từ tháng 05/2005 đến tháng 07/2010: Bí thư đoàn thanh niên (Chuyên trách) - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
  - Từ tháng 07/2010 đến tháng 05/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera.
  - Từ tháng 05/2014 đến tháng 12/2014: Giám đốc phòng Quản lý công nghệ - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
  - Từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2016: Giám đốc Nhà máy gạch Tiêu Giao - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
  - Từ tháng 12/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long kiêm Giám đốc Nhà máy gạch Tiêu Giao.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 3.072 cổ phần,
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Ông Phạm Duy Huân: Phó Tổng Giám đốc**
- Họ và tên: Phạm Duy Huân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại công ty khác:
- Quá trình công tác:





- Từ tháng năm 2000 đến năm 2002: Nhân viên phòng kỹ thuật - Công ty gốm xây dựng Hạ Long (nay là Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long).
- Từ năm 2002 đến năm 2003: Nhân viên ban quản lý dự án Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty gốm xây dựng Hạ Long (nay là Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long).
- Từ năm 2003 đến năm 2012: Quản đốc Phân xưởng Gia công - Tạo hình Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Từ năm 2012 đến năm 2016: Phó Giám đốc kiêm Quản đốc Phân xưởng Cơ Điện Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 02 đến tháng 04/2016: Phó Giám đốc Nhà máy gạch Hoành Bồ - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 04/2016 đến tháng 07/2018: Giám đốc Nhà máy gạch Hoành Bồ - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 07/2018 đến tháng 04/2019: Giám đốc Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy - Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.
- Từ tháng 04/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long kiêm Giám đốc Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 8.290 cổ phần,
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Ông Phạm Minh Tuấn: Kế toán trưởng**
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính
- Chức vụ tại công ty khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera.
- Quá trình công tác:
- Từ 1/1997 đến tháng 10/2002 làm Nhân viên phòng TCKT - Công ty CP Viglacera Hạ Long.
- Từ 11/2002 đến tháng 3/2012 làm Trưởng ban kinh tế Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy, Công ty CP Viglacera Hạ long
- Từ tháng 4/2012 đến tháng 4/2013 làm Giám đốc phòng TCKT, Công ty CP Viglacera Hạ long
- Từ Tháng 4/2013 đến nay làm Kế toán trưởng Công ty CP Viglacera Hạ long
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 186.783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,74%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

**3. Tình hình thực hiện đầu tư và thực hiện các dự án.**

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên hoạt động đầu tư của Công ty cũng được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, chủ yếu hoàn thành các phần việc, dự án đang triển khai dở dang. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục đầu tư đều thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật, qui chế quản lý hoạt động đầu tư của Tổng công ty Viglacera - CTCP và các qui chế quản lý khác. Đồng thời, các phần việc đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng cơ bản phải được Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết thông qua mới được triển khai, do đó các hạng mục đầu tư đều được thực hiện theo đúng quy định.

*wt*



Trong năm 2021, Công ty thực hiện 02 hạng mục đầu tư tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Dáy bao gồm.

Tên dự án	Đvt	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
Bổ sung hệ thống PCCC cho 1.764m <sup>2</sup>	Tr.đồng	2.074	2.074	
Mua 01 máy xúc đào bánh xích	Tr.đồng	2.079	2.079	
<b>Cộng</b>		<b>4.153</b>	<b>4.153</b>	

#### 4. Tình hình tài chính.

##### a. Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2021 (Triệu đồng)	Năm 2020 (Triệu đồng)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.101.908	1.246.996	88,4%
Doanh thu thuần	1.636.105	1.904.728	85,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.015	96.389	55%
Lợi nhuận khác	3.308	8.349	39,6%
Lợi nhuận trước thuế	56.323	104.738	53,8%
Lợi nhuận sau thuế	44.015	83.944	52,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.755	3.000	58,5%

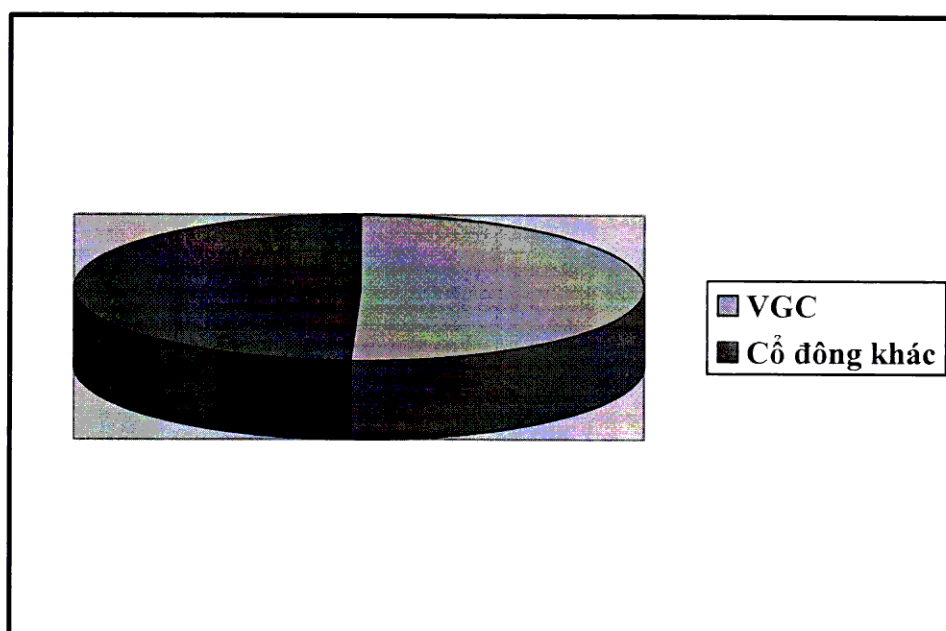
##### b. Các chỉ tiêu khác.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,3235	1,2253	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,2997	0,3904	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản:	0,4067	0,4596	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu:	0,6857	0,8507	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:	3,2896	3,8183	

<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản:	1,4846	1,5223	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,0269	0,0442	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,0673	0,1245	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,0399	0,0673	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,0324	0,0507	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/03/2021**



Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty đến thời điểm 03/03/2021

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>
Tổng công ty Viglacera - CTCP	Tầng 16 - 17, Tòa nhà Viglacera Tower, Xã Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	50,48%

*Nguồn: CTCP Viglacera Hạ Long*





**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: *Không*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: *Không*

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy</b>		
-	Gạch lát	Triệu m <sup>2</sup>	6,35
-	Gạch cổ bậc	Viên	72.828
-	Gạch xây 2 lỗ	Triệu viên	5,8
<b>2</b>	<b>Nhà máy Ngói Tiêu Giao</b>		
-	Ngói 22V/m <sup>2</sup>	Triệu viên	27,4
-	Gạch xây	Triệu viên	5,8
-	Ngói trang trí các loại	Triệu viên	20,66
<b>3</b>	<b>Nhà máy Ngói Hoành Bò</b>		
-	Ngói 22V/m <sup>2</sup>	Triệu viên	23,43
-	Gạch xây các loại	Triệu viên	6,29
-	Ngói trang trí các loại	Triệu viên	15,56

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Chất thải rắn (là phế phẩm gạch ngói) được tái sử dụng tại đơn vị. Tự xử lý 100% bằng công nghệ nghiền mịn trộn với đất sét để sản xuất gạch ngói.

- Tỷ lệ chất thải rắn (là giấy, rác, lá cây,...) thu gom về bãi rác của phường nơi nhà máy đóng trên địa bàn là 100%.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Hiện trạng sử dụng năng lượng của 03 nhà máy - năm 2021.

STT	Năng lượng sử dụng	ĐVT	Mức tiêu thụ NM Tiêu Giao	Mức tiêu thụ NM Hoành Bò	Mức tiêu thụ NM Cotto	Tổng cộng
1	Điện	kW	6.781.153	4.253.738	17.816.636	28.851.527
2	Dầu DO	Lít	215.257	134.240	311.931	661.428
3	Than	Tấn	16.735	10.792,60	27.152	54.680
4	Gas	Tấn	1.767	0	0	1.767





b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:  
*Không*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. *Không*

6.4. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long ký Hợp đồng nước sạch với Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh - Quawaco.

- Hiện trạng sử dụng nước của 03 nhà máy - năm 2021.

STT	Nội dung	ĐVT	Mức tiêu thụ NM Tiêu Giao	Mức tiêu thụ NM Hoàn Bò	Mức tiêu thụ NM Cotto	Tổng cộng
1	Nước	m3	78.588	46.144	195.921	320.653

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử.

- Công ty CP Viglacera Hạ Long tái sử dụng 100% nước sau trạm xử lý nước thải tập trung để làm ẩm nguyên liệu đất sét sản xuất gạch ngói.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.  
*Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không*

6.6 *Chính sách liên quan đến người lao động.*

a, Lao động bình quân năm 2021 là 2.126 người, thu nhập bình quân 11.107 đồng/người /tháng.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

Trong nhiều năm qua, Công ty CP Viglacera Hạ Long luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước, quyền lợi của người lao động luôn được tôn trọng và đảm bảo do đó đã khích lệ tập thể CBCNV trong Công ty thi đua lao động sản xuất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2021.

Các chế độ chính sách cơ bản được duy trì và đạt chất lượng tốt, cụ thể: Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, thanh toán chế độ ốm đau thai sản được thực hiện đầy đủ; Cường độ lao động, môi trường lao động nhiều bộ phận đã được cải thiện, giảm so với trước, thu nhập bình quân tăng, chất lượng cơm ca được duy trì và cải thiện. Chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật được thực hiện đầy đủ, công bằng, đặc biệt được quan tâm chăm lo các tháng hè nắng nóng đảm bảo tái sản xuất sức lao động. BHLĐ được công ty trang cấp đầy đủ, kịp thời. Công tác huấn luyện ATLD, xây dựng mạng lưới ATV, lắp đặt các biển cấm, biển báo an toàn đầy đủ trong khu vực có nguy cơ.

*Handwritten signature*



Trong thời gian dịch bệnh Covid -19 bùng phát, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa nguy cơ lây lan dịch bệnh, giữ ổn định hoạt động SXKD, như: Cấp phát khẩu trang phòng dịch kịp thời cho 100% người lao động; Tăng cường nhiều biện pháp phòng ngừa; Tuyên truyền 100% CBCNV thực hiện các hướng dẫn phòng chống dịch bệnh thông qua các phương tiện như pano, loa công cộng, video trong giờ ăn ca, văn bản dán bảng tin ...vv.

c, Hoạt động đào tạo người lao động.

Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp huấn luyện công tác ATVSLĐ cho 100% CBCNV đang làm việc tại các đơn vị trực thuộc theo từng nhóm đối tượng; Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề và tổ chức thi nâng bậc lương cho 124 CBCNV đến thời hạn. Ngoài ra còn có các lớp nghiệp vụ theo nhu cầu của các đơn vị trực thuộc như đào tạo 28 thợ vận hành xe nâng, thợ vận hành nồi hơi...vv.

*6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng Địa phương.*

Hàng năm, Công ty luôn là đơn vị điển hình trong công tác hỗ trợ bằng tiền, bằng hiện vật ủng hộ các chương trình liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng Địa phương như xây nhà tình nghĩa, xây trường học, ủng hộ các quỹ khuyến học, quỹ phòng chống Covid, quỹ vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam ....

*6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Không*



**C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

Ban Tổng giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long (Công ty) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty năm 2021, định hướng hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông, với các nội dung như sau.

**PHẦN THỨ NHẤT  
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**

**I. Đánh giá chung**

Năm 2021, là một năm đặc biệt khó khăn với thị trường gạch ngói đất nung, ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh Covid-19 kéo dài và trên diện rộng, sức mua, nhu cầu thị trường suy giảm nghiêm trọng, mức tồn kho tăng cao và cạnh tranh khốc liệt về giá bán.

Hầu hết các chi phí sản xuất đầu vào như nhiên liệu, hóa chất, vật tư đóng gói, vận chuyển, và các chi phí đối với người lao động ảnh hưởng từ đại dịch đều tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty.

Nhận định rõ những khó khăn, ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động và tìm kiếm giải pháp tháo gỡ, kiểm soát tình hình, tập trung bám sát hoạt động SXKD và điều hành quyết liệt, linh động nhiều giải pháp. Theo đó, kết quả SXKD toàn Công ty, thể hiện qua 02 chỉ tiêu chính là doanh thu, lợi nhuận, cụ thể như sau.

Stt	Chỉ tiêu (Hợp nhất)	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Ghi chú
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.636.105	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.323	

**II. Đánh giá kết quả các mặt hoạt động SXKD năm 2021 tại Công ty mẹ**

**1. Hoạt động sản xuất**

Do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, tình hình tiêu thụ chậm, quy mô sản lượng sản xuất được chủ động điều độ linh động, nhằm phù hợp với thực tế và tối ưu chi phí tồn kho, theo đó số ngày sản xuất (bình quân) tại các đơn vị sản xuất như sau.

Stt	Đơn vị	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Nhà máy Tiêu Giao	Ngày SX/ Lò/năm	365	250	68
2	Nhà máy Hoàn Bô	Ngày SX/ Lò/năm	365	329	90
3	Nhà máy Cotto GĐ	Ngày SX/ Lò/năm	365	351	96

**2. Chất lượng sản phẩm (CLSP) sản xuất**

Với đặc điểm về quy mô sản lượng năm 2021 được tiết giảm, hệ thống máy móc thiết bị sản xuất được khai thác phù hợp, CLSP tại các đơn vị sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch được giao.

Đối với sản phẩm chủ đạo là ngói 22v/m<sup>2</sup>, tại Nhà máy Tiêu Giao tỷ lệ chất lượng (A1) đạt 88,9% tăng +0,4% so với khoán; tỷ lệ thu hồi (AB) đạt 97,4% tăng 0,3% so với khoán; tại Hoàn Bô, tỷ lệ thu hồi (AB) đạt 97,8% tăng 0,5%, tỷ lệ chất lượng (A1) đạt 90,6% tăng 2,9% so với khoán; Đối với sản phẩm Cotto tại nhà máy Cotto GĐ đa số chất lượng sản phẩm đều đạt và vượt mức khoán.



### **3. Công tác đầu tư**

Trong năm 2021, Công ty thực hiện 02 hạng mục đầu tư tại nhà máy Cotto GD, bao gồm dự án Bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy (cho 1.764m<sup>2</sup>), với giá trị bằng 2,074 tỷ đồng và mua sắm 01 máy xúc đào bánh xích, tại nhà máy Cotto GD, với giá trị thực hiện bằng 2,079 tỷ đồng.

### **4. Công tác bán hàng**

Ngay từ đầu năm 2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, cơ quan quản lý Nhà nước đưa ra nhiều khuyến cáo và áp đặt biện pháp hạn chế lây nhiễm virus trong cộng đồng như hạn chế đi lại giữa các vùng miền/địa phương, không tụ tập đông người, giữ khoảng cách, cho nên các hoạt động quảng bá phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng nhiều thời điểm bị gián đoạn.

Tuy nhiên, Công ty đã chỉ đạo và phối hợp với Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long, tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển thương hiệu Viglacera Hạ Long trên nhiều vùng miền thị trường như tham gia hội chợ Liên Đoàn Lao Động Quảng Ninh, Hội chợ Thương mại Tuyên Quang ; mở mới được 29 đại lý cấp 1 tại : Sơn La (02), Lào Cai (01), Hòa Bình (01), Lai Châu (02), Điện Biên (02), Thái Nguyên (02), Lạng Sơn (02), Bắc Giang (03), Hải Phòng (01), Nghệ An (02), Hà Tĩnh (02), Quảng Nam (01), Quảng Ngãi (01), Bình Định (01), Đồng Nai (02), Cần thơ (02), Kiên Giang (02); thiết kế, thi công 09 showroom mini tại cửa hàng của các đại lý trung bày, giới thiệu sản phẩm; thi công 650 kệ mẫu, 527 biển hiệu mới trưng bày tại các cửa hàng kinh doanh VLXD.

Tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác phối hợp và chăm sóc khách hàng (đại lý), cán bộ thị trường thường xuyên cùng với đại lý tìm kiếm khách hàng và hỗ trợ tư vấn về kỹ thuật sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Dựng các phim ngắn giới thiệu, hướng dẫn thi công sản phẩm để hỗ trợ khách hàng. Dựng phim quảng bá sản phẩm và phát sóng trên các đài truyền hình VTV1, VTV3, VTV24, VOV, các đài truyền hình địa phương.

### **5. Công tác quản lý vận hành doanh nghiệp**

Xây dựng định mức khoán, triển khai giao giá thành công xưởng, giá bán, doanh thu cho các đơn vị trực thuộc theo từng tháng nhằm bám sát kế hoạch, cũng như tìm các giải pháp bù đắp nếu không đạt các chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng.

Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo quản trị, định kỳ hàng tuần, hàng tháng và nắm bắt diễn biến chi phí so kế hoạch giao; phân tích nguyên nhân lỗ từ đó có hướng điều chỉnh kịp thời.

Minh bạch hoá toàn bộ các mặt hoạt động của Công ty.

### **6. Công tác chăm lo Đời sống vật chất, phong trào, đoàn thể**

Tiếp tục chính sách/mục tiêu của Công ty, người lao động là đối tượng được quan tâm hàng đầu, có thể nói rằng “người lao động đã và đang được công ty chăm lo toàn diện” Cụ thể:

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, Cán bộ công nhân toàn Công ty được tham gia và đóng đầy đủ BHXH, BHYT theo đúng luật định, đúng hạn đối với cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời chi trả tiền lương đối với người lao động luôn đúng kỳ hạn, không nợ lương.





**Kết luận:** Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự điều hành năng động của Ban tổng giám đốc cùng sự cố gắng hết sức nỗ lực khắc phục khó khăn của toàn bộ CBCNV, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

## PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

Trên cơ sở kết quả đã đạt được của năm 2021, Công ty đánh giá cơ hội, thách thức và xây dựng các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

### I. Các chỉ tiêu chính

Stt	Chỉ tiêu hợp cộng	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	KH2022/TH2021
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.636.105	1.923.613	117,5
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.323	80.000	142

### II. Mục tiêu phấn đấu

Phấn đấu hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận theo từng tháng và cả năm 2022 đạt mức lợi nhuận theo kế hoạch được giao.

Kiểm soát các chi phí SXKD theo kế hoạch; các yếu tố ảnh hưởng khó kiểm soát như thị trường và giá bán; giá nhiên liệu đầu vào (xăng/ dầu/ điện) do Chính phủ điều tiết, Công ty phải xây dựng phương án ứng phó kịp thời để thực hiện bằng được chỉ tiêu lợi nhuận.

### III. Các giải pháp thực hiện

#### 1. Công tác bán hàng

Tiếp tục phát triển thị trường, thương hiệu; kết hợp với ban Thương mại Tổng Công ty Viglacera thực hiện tốt các chương trình khuyến mại thương hiệu, truyền thông, tham gia hội chợ triển lãm trong, ngoài nước (nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát và cho phép) nhằm quảng bá giới thiệu sản phẩm mới.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Tiếp tục nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm ngói tấm lớn (9v/m<sup>2</sup>) đa màu sắc, quảng bá và tiếp thị đến các công trình dự án trong ngoài nước.

#### 2. Công tác vận hành tài chính

Thực hiện đầu tư trên cơ sở nguồn vốn trung dài hạn, được tài trợ từ ngân hàng thương mại, đồng thời quá trình đầu tư được tuân thủ các trình tự quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng tiến độ, khai thác có hiệu quả sau đầu tư. Duy trì vận hành công tác tài chính đảm bảo trạng thái cân đối tài chính giữa nợ ngắn hạn và dài hạn.

#### 3. Công tác quản trị sản xuất

Tiếp tục tìm giải pháp thực hiện để tiết giảm chi phí sản xuất; Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như sửa chữa máy móc thiết bị định kỳ theo kế hoạch đăng ký, nghiên cứu giải pháp có thể sử dụng được nguyên liệu xấu, chất lượng không ổn định nhưng vẫn phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm/hàng hóa.

*vt*



#### 4. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường; duy trì việc minh bạch hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong toàn Công ty.

#### 5. Công tác đầu tư phát triển

Công ty chủ động lập và trình các hồ sơ thủ tục theo đúng Quy chế Quản lý hoạt động đầu tư, đảm bảo đúng theo kế hoạch, tiến độ, tuân thủ theo trình tự pháp luật quy định.

Kế hoạch đầu tư trong năm 2022, với giá trị (dự kiến) bằng 40,55 tỷ đồng, trong đó các dự án đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực cạnh tranh phục vụ sản xuất bằng 35,55 tỷ và đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất (13.000 m<sup>2</sup>) tại nhà máy Tiêu Giao bằng 05 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Danh mục đầu tư mới 2022:

Danh mục đầu tư TSCD	ĐVT	Lượng	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022
<b>Nhà máy Tiêu Giao</b>			<b>28.350</b>	<b>28.350</b>
Máy phay CNC (Mori Seiki) qua SD	Cái	01	850	850
Hệ khí hóa than số 2	Hệ	01	26.000	26.000
Xe nâng hàng 3 tấn (mới)	Cái	02	1.500	1.500
<b>Nhà máy Hoàn Bò</b>			<b>1.500</b>	<b>1.500</b>
Xe nâng hàng 3 tấn (mới)	Cái	02	1.500	1.500
<b>Nhà máy Cotto GĐ</b>			<b>5.700</b>	<b>5.700</b>
Máy ủi (D61) sơ chế nguyên liệu	Cái	01	1.900	1.900
Ô tô hyundai 15 tấn	Cái	01	2.300	2.300
Xe nâng hàng 3 tấn (mới)	Cái	02	1.500	1.500
<b>Cho bộ phận khác</b>			<b>12.000</b>	<b>5.000</b>
Mở rộng mặt bằng sản xuất Nm Tiêu Giao	m <sup>2</sup>	13.000	12.000	5.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>47.550</b>	<b>40.550</b>

- Ngoài ra, Công ty trình ĐHCĐ biểu quyết thông qua việc mua sắm bổ sung 02 máy phát điện (đã qua sử dụng) để phục vụ hoạt động sản xuất tại Nhà máy ngói Tiêu Giao và Nhà máy ngói Hoàn Bò.

Trên đây là báo cáo Kết quả SXKD năm 2021, phương hướng - nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Ban Tổng Giám đốc Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.



## **D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Viglacera Hạ Long báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT Công ty năm 2021, kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022 như sau:

### **Phần I. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2021**

#### **1. Đặc điểm tình hình**

Năm 2021 là năm cả nước chịu tác động lớn của đại dịch Covid-19, là năm chưa có tiền lệ, cả nước phải đối phó với dịch bệnh. HĐQT công ty đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành chủ động, linh hoạt giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả SXKD của công ty, vừa linh hoạt duy trì sản xuất kinh doanh, vừa tổ chức phòng chống dịch bệnh bảo vệ an toàn sức khỏe người lao động.

#### **2. Đánh giá hoạt động chung của HĐQT năm 2021**

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban điều hành, các bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát kết quả hoạt động năm 2020, xây dựng kế hoạch năm 2021 từ quý IV/2020. Đến tháng 12/2020 Hội đồng quản trị đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2021 và trình Tổng công ty Viglacera – CTCT phê duyệt tại Quyết định số 01/TCT-HĐQT ngày 07/1/2021.

Quý I/2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã họp ngày 22/4/2021 và ban hành Nghị quyết số 69/NQ-ĐHĐCĐ/2021 thông qua nhiều nội dung quan trọng bao gồm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư; Bầu bổ sung nhân sự của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Sửa đổi bổ sung, hoàn thiện và ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

Sau khi được sự nhất trí thông qua của Đại hội cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị đã tổ chức phân công để phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và xây dựng các giải pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội cổ đông giao. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều được báo cáo và cập nhật đầy đủ theo từng tuần, tháng, quý; định kỳ 6 tháng, 9 tháng tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng định hướng cho thời gian kế tiếp.

Quý III/2021, Hội đồng quản trị đã họp và kiện toàn nhân sự, bầu ông Nhâm Sỹ Tiệp giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thống nhất phân công Ông Nhâm Sỹ Tiệp làm việc thường trực tại Công ty và hỗ trợ, phối hợp Ban điều hành trong công tác giám sát một số lĩnh vực chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Tháng 10/2021, HĐQT đã thống nhất thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc HĐQT do ông Nhâm Sỹ Tiệp – thành viên độc lập HĐQT là Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban KTNB có nhiệm vụ hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước, quy trình ISO và tham mưu, đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế, khắc phục các rủi ro để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong giai đoạn mới thành lập do còn thiếu nhân





sự của Tiền ban theo quy định của pháp luật, cho nên công tác KTNB bước đầu sẽ thuê dịch vụ bên ngoài, Tiền ban KTNB sẽ là bộ phận phối hợp khi thực hiện nhiệm vụ KTNB, học hỏi về phương pháp, trình tự, cách thức KTNB, trau dồi kinh nghiệm, tổ chức đào tạo tiến tới kiến toàn về nhân lực, trình độ, kỹ năng để tự triển khai tại các giai đoạn tiếp theo.

Trong quý IV/2021, HĐQT Công ty đã họp thống nhất bổ nhiệm lại ông Trần Duy Hưng (SN 1975, Kỹ sư xây dựng) giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty; HĐQT đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2022 và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2026 trình Tổng công ty Viglacera-CTCP phê duyệt.

\* Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

+ Ông Nhâm Sỹ Tiệp – thành viên độc lập HĐQT được mời tham gia Tổ thẩm định để giám sát các hoạt động mua vật tư, nguyên liệu, công cụ dụng cụ, dịch vụ đầu vào, các hạng mục đầu tư và sửa chữa tài sản, thiết bị, nhà xưởng. Từ đó hỗ trợ cho Ban điều hành các vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung để nâng cao hơn nữa chất lượng mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ, dịch vụ và các hạng mục đầu tư, sửa chữa nhằm kéo dài tuổi thọ dây chuyền thiết bị, nâng cao hiệu quả tổ chức, điều hành sản xuất tại các nhà máy thành viên.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tuần, báo cáo tháng về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, chất lượng sản phẩm, giá bán, sản phẩm tồn kho,... Các báo cáo theo tuần, tháng, quý đều được gửi đến các cấp quản lý để thực hiện giám sát các chỉ tiêu SXKD của Công ty.

+ HĐQT đã thống nhất lựa chọn Deloitte là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 (theo đề xuất từ Ban kiểm soát). Ban điều hành, các bộ phận nghiệp vụ đã phối hợp tốt với đơn vị Deloitte để thực hiện công tác kiểm kê định kỳ (6 tháng, 12 tháng), rà soát, kiểm toán báo cáo tài chính kỳ 6 tháng và 31/12/2021. Kết quả kiểm toán, các báo cáo tài chính từng quý và báo cáo quản trị được công bố thông tin đúng quy định của pháp luật.

\* Công tác giám sát hoạt động đầu tư:

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên hoạt động đầu tư của Công ty cũng được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, chủ yếu hoàn thành các phần việc, dự án đang triển khai dở dang. Trong năm, Công ty hoàn thiện công tác đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy kho thành phẩm và thuê tài chính 01 máy xúc đào tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy. Công tác đầu tư được thực hiện đúng quy định, đảm bảo an toàn, đưa vào hoạt động đúng tiến độ và hiệu quả.

\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính năm 2021 (đã được kiểm toán bởi hãng kiểm toán Deloitte) như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Thực hiện 2021	% TH/KH
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.018,1	1.636,105	81%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	88,6	56,323	64%

Đánh giá kết quả năm 2021: Các chỉ tiêu chính theo Nghị quyết đại hội cổ đông giao cho công ty không đạt kế hoạch.





Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới kết quả SXKD năm 2021: Dịch bệnh Covid-19 năm 2021 đã ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD, nhiều tháng liên tục thực hiện công tác phòng chống dịch COVID-19 như phong tỏa, cách ly, kiểm soát đi lại của nhiều địa phương cho nên công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, thị trường cả nước sụt giảm, sức mua hạn chế, giá bán các loại sản phẩm thấp hơn so với các năm trước đây, các chi phí sản xuất kinh doanh, phòng chống dịch đều tăng mặc dù công ty đã nỗ lực, quyết liệt và áp dụng các giải pháp chưa có tiền lệ xong Chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu không đạt như kế hoạch đề ra.

Ngoài ra do giá gas tăng cao, ảnh hưởng của dịch bệnh năm 2021, công ty đã phải dừng 01 lò nung tại Tiêu Giao, dừng sản xuất các dây chuyền Cotto, Clinker. Các dây chuyền không phát huy hết công suất cũng đã ảnh hưởng tới kết quả năm 2021.

\* Điều chỉnh kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021:

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, tháng 10/2021, HĐQT đã chủ động tính toán, xây dựng lại kế hoạch các tháng cuối năm, báo cáo Tổng công ty Viglacera và đã được Tổng công ty chấp thuận điều chỉnh các Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 tại Quyết định số 252a/TCT-HĐQT ngày 06 tháng 10 năm 2021 với các chỉ tiêu :

- Doanh thu : 1.588,2 tỷ đồng

- Lợi nhuận : 55 tỷ đồng.

Đánh giá kết quả năm 2021 so với Kế hoạch điều chỉnh :

- Doanh thu đạt 1.636,105 tỷ/ 1.588,2 tỷ đạt 103%;

- Lợi nhuận : 56,323 tỷ/55 tỷ đạt 102,4%

- Công tác đầu tư được điều chỉnh linh hoạt thích ứng với hoàn cảnh hiện tại năm 2021.

Đánh giá chung: Năm 2021, HĐQT đã thực hiện và chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ công ty, các qui chế của công ty. Ban điều hành đã thực hiện quyết liệt các nghị quyết, quyết định, thực hiện tốt các qui chế của công ty, các quy định của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật. Kết quả thực hiện năm 2021 hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch điều chỉnh.

Sản phẩm và thương hiệu của Công ty vẫn giữ vững vị trí số 1 trong lĩnh vực gạch ngói đất sét nung, đời sống, thu nhập của CBCNV ổn định, các hoạt động khác vẫn được duy trì, phát triển.

### **3. Tóm tắt các hoạt động chủ yếu và nghị quyết của HĐQT năm 2021**

- Trong quý I/2021: Tổng kết đánh giá hoạt động SXKD và đầu tư năm 2020, xác định các mục tiêu, giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai kế hoạch SXKD năm 2021; Chuẩn bị cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

- Trong quý II/2021: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Rà soát, sửa đổi, phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo đề xuất từ Ban kiểm soát (đơn vị được lựa chọn là Deloitte); Tổ chức công tác kiểm kê, sơ kết và kiểm toán 6 tháng; Chốt danh sách thực hiện quyền chia cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết của ĐHCĐ. Đánh giá kết quả SXKD của quý II, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD quý III.



- Trong quý III/2021: Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông với mức chi trả là 55 tỷ đồng (tương đương với tỷ lệ 22%/Vốn điều lệ); Kiện toàn nhân sự và bầu bổ sung ông Nhâm Sỹ Tiện giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.

- Trong quý IV/2021: Thành lập Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát, phòng ngừa các yếu tố rủi ro trong sản xuất kinh doanh; Phối hợp với Người đại diện phần vốn, Ban điều hành xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2022, định hướng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2026; Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Trần Duy Hưng; Thông qua việc thuê tài chính 01 máy xúc đào phục vụ sản xuất tại Nhà máy Cotto Giếng Đáy; Thực hiện công tác kiểm kê, tổng kết và kiểm toán năm tài chính theo đúng quy định.

Thông kê chi tiết các cuộc họp HĐQT năm 2021:

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung nghị quyết, biên bản họp
1	01/2021/NQ-HĐQT	26.3.2021	Thông qua kế hoạch tổ chức và các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên 2021
2		22.4.2021	Biên bản họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT
3	02/2021/NQ-HĐQT	24.6.2021	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
4	03/2021/NQ-HĐQT	02.8.2021	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT và phân công bổ sung nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT
5	04/2021/NQ-HĐQT	18.8.2021	Bổ sung tiền lương cho Phó CT HĐQT
6	05/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng năm 2021
7	06/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thông qua thuê tài chính 01 máy xúc đào phục vụ sản xuất tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy
8	07/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
9	08/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị
10	09/2021/NQ-HĐQT	01.11.2021	Điều chỉnh thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT
11	10/2021/NQ-HĐQT	09.12.2021	Bổ nhiệm lại ông Trần Duy Hưng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long

#### 4. Tình hình nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

a. Danh sách các thành viên HĐQT Công ty như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hoàng Kim Bông	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nhâm Sỹ Tiện	Phó CT thường trực	Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
		HDQT	thường niên vào tháng 4/2021 Bổ nhiệm Phó CT thường trực vào tháng 8/2021
3	Ông Trần Hồng Quang	Thành viên HDQT	Tổng giám đốc
4	Ông Đinh Quang Huy	Thành viên HDQT độc lập	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên HDQT	
6	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HDQT	Tổng giám đốc Công ty TM Hạ Long
7	Ông Trần Duy Hưng	Thành viên HDQT	Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2021, Phó TGD
8	Ông Trần Đình Thế	Thành viên HDQT độc lập	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2021
9	Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên HDQT độc lập	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2021

b. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát Công ty như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Phạm Ngọc Bích	Trưởng ban	
2	Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	
3	Bà Bùi Thị Thanh Nga	Thành viên	
4	Ông Bùi Văn Tốt	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2021

c. Nhân sự Ban điều hành

Danh sách nhân sự của Ban điều hành của Công ty hiện nay như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Hồng Quang	Tổng Giám đốc	
2	Ông Trần Duy Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Phạm Duy Huân	Phó Tổng Giám đốc	

**5. Tiền lương của Phó chủ tịch thường trực HĐQT, Trưởng Tiểu Ban KTNB năm 2021.**

*Handwritten signature*



Trong năm 2021, HĐQT đã nhất trí bầu ông Nhâm Sỹ Tiệp giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT đồng thời phân công là Trưởng Tiểu ban KTNB và HĐQT thống nhất nghị quyết về việc chi trả lương cho ông Nhâm Sỹ Tiệp là 51.375.000 đồng/tháng, tổng mức lương đã chi trả năm 2021 là 205.500.000 đồng.

### 6. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHCĐ dự kiến mức chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 là 664.000.000 đồng, đề nghị ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua mức chi trả thù lao như trên.

## Phần II. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022

#### 1.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

Căn cứ tình hình thực tế năm 2021 và dự báo năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 276/TCT-HĐQT ngày 02/12/2022 của HĐQT Tổng công ty Viglacera-CTCP về việc Phê duyệt các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022 (hợp nhất) của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH 2022/TH 2021 (%)
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	1.636,1	1.923,61	117
2	Lợi nhuận hợp nhất	Tỷ đồng	56,32	80,0	142
3	Khấu hao cơ bản TSCĐ (VHL)	Tỷ đồng	58,39	52,86	91
4	Dư nợ phải thu khách hàng (VHL)	Tỷ đồng	22,7	15,5	68
5	Doanh thu xuất khẩu (VHL)	USD	6.568.802	6.127.000	93

#### 1.2. Kế hoạch đầu tư năm 2022 (Công ty Mẹ):

##### a. Các hạng mục đầu tư mới

TT	Tên dự án	ĐVT	Số lượng	TMĐT (dự kiến)	KHĐT 2022 (tr.đồng)
<b>A</b>	<b>Đầu tư mới cho sản xuất</b>			<b>35.550</b>	<b>35.550</b>
<b>I</b>	<b>Nm ngôi Tiêu Giao</b>				
1	Mua sắm Máy phay CNC qua sử dụng	Máy	01	850	850
2	Hệ khí hóa than số 2	Hệ	01	26.000	26.000
3	Xe nâng hàng (3 tấn)	Cái	02	1.500	1.500
<b>II</b>	<b>Nhà máy ngôi Hoàn Bò</b>				
1	Xe nâng hàng (3 tấn)	Cái	02	1.500	1.500





<b>III</b>	<b>Nhà máy Cotto Giếng Đáy</b>				
1	Máy ủi D61	Máy	01	1.900	1.900
2	Xe ô tô Hyundai 15 tấn	Cái	01	2.300	2.300
3	Xe nâng hàng (3 tấn)	Cái	02	1.500	1.500
<b>B</b>	<b>Đầu tư mở rộng mặt bằng</b>			<b>12.000</b>	<b>5.000</b>
1	Mở rộng mặt bằng SX NM ngôi Tiêu Giao	m2	13.000	12.000	5.000
	<b>Cộng:</b>			<b>47.550</b>	<b>40.550</b>

b. Mua sắm bổ sung 02 máy phát điện đã qua sử dụng để phục vụ sản xuất tại Nhà máy Tiêu Giao và Nhà máy ngôi Hoàn Bồ.

## 2. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

- Chuẩn bị và Tổ chức ĐHCĐ thường niên theo đúng qui định để Thông qua các chỉ tiêu chính, nhiệm vụ, giải pháp cho kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022 và các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông làm cơ sở triển khai thực hiện.

1. Máy ủi D61 1.900 1.900

2. Kiến toàn phân công cho các thành viên HĐQT kiến toàn Tiêu ban KTNB 2.300

- Phối hợp với Ban điều hành giao nhiệm vụ Kế hoạch và triển khai nhiệm vụ năm 2022, quý I/2022 cho các đơn vị thuộc công ty.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 để tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc Công ty; Giám sát, kiểm soát tốt các chi phí đầu vào sản xuất, giá thành và giá bán sản phẩm, phát huy hiệu quả hoạt động của Tiểu ban KTNB;

- Tập trung nghiên cứu các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, rút ngắn công đoạn, tiết kiệm chi phí và đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa.

- Nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới (đa kích thước, đa màu sắc) để mở rộng thị phần, giữ vững và phát huy tối đa lợi thế về thương hiệu sản phẩm của Công ty.

- Chuẩn bị công tác đầu tư trạm khí hóa than số II tại Tiêu giao và các hạng mục đầu tư đã được ĐHCĐ thông qua.

- Hàng tháng, kết thúc quý, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành tổng kết, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của quý sau, các giải pháp tổ chức thực hiện để phân đấu hoàn thành kế hoạch tháng, quý và cả năm.

- Ban hành các Biên bản, Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT công ty về các nội dung liên quan đến SXKD và đầu tư nhằm tạo điều kiện cho Ban điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời trong điều hành phù hợp với Điều lệ công ty và các qui định, qui chế công ty và các văn bản của Pháp Luật, bảo vệ tối đa lợi ích công ty, các cổ đông.

### Kết luận:

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ được kiểm soát, kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho sản xuất kinh doanh, nhiều yếu tố thuận lợi, Công ty luôn nhận được hỗ trợ, tạo điều kiện của các cơ quan chức năng, ban ngành địa phương, sự chỉ đạo của Tổng công ty Viglacera-CTCP, tín nhiệm của Quý cổ đông, HĐQT phối hợp với

*Handwritten signature*



Ban điều hành bằng các hành động thiết thực, quyết tâm hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu SXKD và đầu tư năm 2022 mà ĐHĐCĐ thông qua, tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm thương hiệu số 1 Việt Nam, đưa công ty phát triển bền vững.

**E. QUẢN TRI CÔNG TY:**

**1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:**

1.1. Nhân sự Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm tháng 11/2020
2	Ông Hoàng Kim Bồng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm tháng 11/2020
3	Nhâm Sỹ Tiệp	Phó Chủ tịch TT HĐQT	Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 4/2021 Bổ nhiệm Phó CT thường trực vào tháng 8/2021
4	Ông Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	
5	Ông Đinh Quang Huy	Thành viên HĐQT độc lập	
6	Ông Trần Đình Thế	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm tháng 04/2021
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT	
8	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
9	Nguyễn Đức Minh	Thành viên HĐQT	

1.2. Nhân sự Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Bà Ngô Thùy Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm tháng 03/2020
2	Bà Phạm Ngọc Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm tháng 03/2020
3	Ông Bùi Văn Tốt	Thành viên	Miễn nhiệm tháng 04/2021
4	Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	
5	Bà Bùi Thị Thanh Nga	Thành viên	

**2. Các Nghị quyết và tình hình thực hiện của Hội đồng quản trị trong năm 2021.**

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung nghị quyết, biên bản họp
1	01/2021/NQ-HĐQT	26.3.2021	Thông qua kế hoạch tổ chức và các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên 2021
2		22.4.2021	Biên bản họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT



TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung nghị quyết, biên bản họp
3	02/2021/NQ-HĐQT	24.6.2021	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
4	03/2021/NQ-HĐQT	02.8.2021	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT và phân công bổ sung nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT
5	04/2021/NQ-HĐQT	18.8.2021	Bổ sung tiền lương cho Phó CT HĐQT
6	05/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng năm 2021
7	06/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thông qua thuê tài chính 01 máy xúc đào phục vụ sản xuất tại Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy
8	07/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
9	08/2021/NQ-HĐQT	26.10.2021	Phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị
10	09/2021/NQ-HĐQT	01.11.2021	Điều chỉnh thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT
11	10/2021/NQ-HĐQT	09.12.2021	Bổ nhiệm lại ông Trần Duy Hưng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long

### 3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao và chi phí cho các thành viên HĐQT và BKS là:

+ Thù lao năm 2021 dự kiến:

- Chủ tịch HĐQT:	7.000.000	Đồng/ tháng.
- Thành viên HĐQT kiêm TGD:	6.000.000	Đồng/ tháng.
- Thành viên HĐQT :	5.000.000	Đồng/ tháng.
- Trưởng BKS:	5.500.000	Đồng/ tháng.
- Thành viên BKS:	3.000.000	Đồng/ tháng.
- Thụ ký Công ty:	2.000.000	Đồng/ tháng.

+ Các khoản lợi ích khác: Không có.

+ Chi phí cho các thành viên: Theo điều lệ Công ty và qui chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát.

3.2. Thu nhập tại Công ty của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

TT	Họ và tên	Lương + thưởng (tính BQ tháng)	Thù lao thành viên HĐQT năm 2020	Cổ tức năm 2020	Cổ phiếu thưởng
1	Trần Hồng Quang	72.241.000	72.000.000	234.817.770	
2	Trần Duy Hưng	53.353.000		6.420.480	
3	Phạm Duy Huân	53.365.000		17.326.100	
4	Phạm Minh Tuấn	48.151.000		390.376.470	




**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Các báo cáo tài chính đã được Công ty thuê Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán và đã được công bố thông tin trên hệ thống CIMS của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hệ thống IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được đăng tải toàn bộ trên cổng thông tin điện tử của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long (Với đường Link: [viglacerahalong.vn](http://viglacerahalong.vn)). Đồng thời bản báo cáo kiểm toán Công ty hợp nhất sẽ được đính kèm với báo cáo thường niên này.

↳ **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Nơi nhận:** 

- UBCKNN;
- SGDCK Hà nội;
- HĐQT; BGD;
- BKS;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** 

**Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty**



**TRẦN HỒNG QUANG**





**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

0112  
CÔNG  
TN  
ELC  
IÊT  
Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**

Khu 2, đường An Tiêm, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Kim Bằng	Chủ tịch
Ông Nhâm Sỹ Tiệp	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021)
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Trần Đình Thế	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Hồng Quang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Huân	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Ngọc Bích	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thanh Nga	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Ông Bùi Văn Tốt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**

Khu 2, đường An Tiêm, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Hồng Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 02 năm 2022



Số: 0507 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 08 tháng 02 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mai Hồng Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4834-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Phân loại lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>543.288.513.172</b>	<b>599.189.204.896</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>67.596.631.656</b>	<b>131.640.888.708</b>
1. Tiền	111		22.596.631.656	81.640.888.708
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	50.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.928.269.783</b>	<b>43.791.387.415</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.918.926.528	6.540.131.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.857.309.795	19.750.057.998
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	42.159.673.734	43.688.556.224
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(28.007.640.274)	(26.187.357.925)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>420.233.778.615</b>	<b>408.265.242.495</b>
1. Hàng tồn kho	141		433.841.031.334	417.915.886.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.607.252.719)	(9.650.643.541)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.529.833.118</b>	<b>5.491.686.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	327.908.915	541.453.235
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.424.781.453	3.917.445.143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	777.142.750	1.032.787.900
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>558.620.155.611</b>	<b>647.806.875.254</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.387.452.749</b>	<b>5.265.448.331</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.387.452.749	5.265.448.331
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>445.845.995.038</b>	<b>527.035.963.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	430.213.188.085	501.045.608.038
- Nguyên giá	222		1.655.429.783.401	1.634.665.455.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.225.216.595.316)	(1.133.619.846.969)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	8.758.362.523	16.115.766.661
- Nguyên giá	225		13.188.529.090	22.567.509.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.430.166.567)	(6.451.743.053)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.874.444.430	9.874.588.398
- Nguyên giá	228		8.454.450.375	17.320.669.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.580.005.945)	(7.446.080.737)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>166.533.637</b>	<b>2.842.332.183</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		166.533.637	2.842.332.183
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>88.912.369.635</b>	<b>92.568.742.680</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		88.347.318.250	90.851.686.259
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.434.948.615)	(282.943.579)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.307.804.552</b>	<b>20.094.388.963</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	19.986.527.571	18.582.622.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		321.276.981	1.511.766.296
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.101.908.668.783</b>	<b>1.246.996.080.150</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Phân loại lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>448.235.572.343</b>	<b>573.232.416.518</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>410.475.774.466</b>	<b>489.003.087.836</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	89.529.480.323	102.091.507.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	16.292.246.846	41.206.873.969
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	15.150.733.607	14.175.907.009
4. Phải trả người lao động	314		65.312.239.075	67.434.553.233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.380.106.143	11.701.067.591
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	639.800.000	639.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	8.347.153.262	8.777.352.842
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	115.105.997.177	158.823.921.259
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	9.089.045.176	7.265.725.150
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	82.628.972.857	76.886.379.295
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.759.797.877</b>	<b>84.229.328.682</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	11.199.835.935	11.839.635.935
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	19.337.735.763	62.355.087.196
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	2.750.000.000	5.562.379.372
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.472.226.179	4.472.226.179
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>653.673.096.440</b>	<b>673.763.663.632</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>653.673.096.440</b>	<b>673.763.663.632</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.171.810.665	49.171.810.665
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		259.771.051.706	244.600.890.220
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.811.512.409	11.811.512.409
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.773.721.660	118.034.450.338
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.905.611.767	34.237.560.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		43.868.109.893	83.796.890.160
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		145.000.000	145.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>1.101.908.668.783</b>	<b>1.246.996.080.150</b>

  
 Đinh Thu Hằng  
 Người lập biểu

  
 Phạm Minh Tuấn  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Hồng Quang  
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	28	1.636.105.577.587	1.904.728.016.237	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	148.794.232	6.419.469.091	
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)</b>	10		<b>1.635.956.783.355</b>	<b>1.898.308.547.146</b>	
4. Giá vốn hàng bán	11	29	1.382.415.746.657	1.558.910.816.535	
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>	20		<b>253.541.036.698</b>	<b>339.397.730.611</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	2.011.274.973	4.934.204.940	
7. Chi phí tài chính	22	32	17.968.116.210	19.639.373.642	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.621.679.595	19.254.130.922	
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	15	1.695.631.991	6.815.536.659	
9. Chi phí bán hàng	25	33	131.391.211.349	166.824.472.884	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	54.873.633.138	68.294.645.347	
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	30		<b>53.014.982.965</b>	<b>96.388.980.337</b>	
12. Thu nhập khác	31	34	3.706.452.024	12.740.740.338	
13. Chi phí khác	32		398.143.562	4.391.383.223	
14. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>3.308.308.462</b>	<b>8.349.357.115</b>	
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>56.323.291.427</b>	<b>104.738.337.452</b>	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	11.118.218.219	22.306.127.428	
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	1.190.489.315	(1.511.766.296)	
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	60		<b>44.014.583.893</b>	<b>83.943.976.320</b>	
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		44.014.583.893	83.943.976.320	
19. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	35	<b>1.755</b>	<b>3.000</b>	

  
Đinh Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Phạm Minh Tuấn  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Hồng Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>56,323,291,427</b>	<b>104,738,337,452</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	83,709,097,069	86,071,450,490
Các khoản dự phòng	03	5,939,837,217	18,076,628,766
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	103,285,205	17,353,989
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3,397,006,717)	(12,455,731,196)
Chi phí lãi vay	06	16,621,679,595	19,254,130,922
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(9,595,555,061)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>159,300,183,796</b>	<b>206,106,615,362</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	5,888,797,866	(5,853,029,276)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15,925,145,298)	(4,058,056,601)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(44,157,868,005)	(7,861,907,521)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1,190,360,584)	15,606,260,386
Tiền lãi vay đã trả	14	(17,204,009,089)	(19,918,445,607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12,701,038,219)	(29,061,624,803)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	976,048,000	929,741,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3,371,905,523)	(2,673,872,032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>71,614,702,944</b>	<b>153,215,680,908</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,417,587,192)	(9,944,941,293)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	841,561,818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10,000,000,000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,435,126,850	5,302,646,456
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5,017,539,658</b>	<b>(3,800,733,019)</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	496,263,362,147	593,098,118,278
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(579,315,457,136)	(617,239,039,773)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3,683,180,526)	(6,638,021,696)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53,950,816,510)	(67,388,626,104)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(140,686,092,025)</b>	<b>(98,167,569,295)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(64,053,849,423)</b>	<b>51,247,378,594</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>131,640,888,708</b>	<b>80,410,864,103</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	9,592,371	(17,353,989)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>67,596,631,656</b>	<b>131,640,888,708</b>

  
Đinh Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Phạm Minh Tuấn  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Hồng Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long là doanh nghiệp được chuyển đổi khi cổ phần hóa Công ty Gốm Xây dựng Hạ Long thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 57000101147 ngày 01 tháng 3 năm 2006 và các Giấy chứng nhận sửa đổi. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là 250.000.000.000 VND. Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5941/UBCK-GSĐC ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX với mã chứng khoán VHL từ ngày 25 tháng 11 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu 2, đường An Tiêm, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Viglacera – CTCP.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.104 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.195 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất, khai thác và kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng. Tư vấn thiết kế, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất, khai thác, kinh doanh thương mại và phân phối các chủng loại vật liệu xây dựng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty**

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty trong năm tiếp theo.



**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<b>Tên công ty con, công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	100,00	100,00	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera	Quảng Ninh	99,92	99,92	Sản xuất vật liệu xây dựng
<b>Tên công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Quảng Ninh	40,00	40,00	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	40,00	40,00	Sản xuất vật liệu xây dựng

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất này đã được phân loại để phù hợp với số liệu năm nay:

<b>Báo cáo</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Phân loại lại</b>	<b>Số sau phân loại lại</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảng cân đối kế toán	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.313.667.591	7.387.400.000	11.701.067.591
hợp nhất	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20.215.504.522	(12.949.779.372)	7.265.725.150
	Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	5.562.379.372	5.562.379.372

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là nhất quán.

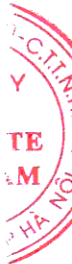
Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).



Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó :

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

##### *Quyền sử dụng đất*

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

#### **Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí ban đầu của các mỏ đất sét, phí bảo hiểm và các chi phí khác.

Chi phí ban đầu của mỏ đất sét Xích Thổ được phân bổ vào giá thành đất khai thác theo tỷ lệ sản lượng khai thác trong năm chia cho trữ lượng ước tính của từng mỏ. Hiện tại, mỏ đất sét Xích Thổ chưa được đưa vào hoạt động khai thác.

Phí bảo hiểm bao gồm bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm vật chất và bảo hiểm rủi ro tài sản thuê tài chính đã được trả trước cho nhiều kỳ. Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực.

Các chi phí khác bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Lãi tiền gửi và đầu tư***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### ***Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) được tính cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

##### ***Ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### ***Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.267.920.119	766.040.088
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.328.711.537	80.874.848.620
Các khoản tương đương tiền (*)	45.000.000.000	50.000.000.000
	<u>67.596.631.656</u>	<u>131.640.888.708</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 3%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2020: 3,3 - 3,5%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với lãi suất 4,9%/năm (năm 2020: 4,9%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	8.811.569.499	3.919.896.800
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.201.949.698	1.900.840.071
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	1.493.226.380	-
Khác	1.412.180.951	719.394.247
	<b>13.918.926.528</b>	<b>6.540.131.118</b>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	12.506.745.577	6.337.365.837
------------------------------------------------------------------------------	----------------	---------------

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.892.350.402	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	531.954.442	1.268.865.793
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	4.524.570.680
Các nhà cung cấp khác	1.433.004.951	8.956.621.525
	<b>7.857.309.795</b>	<b>19.750.057.998</b>

Trong đó:

Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	6.424.304.844	6.268.865.793
------------------------------------------------------------------------------	---------------	---------------



8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền sử dụng đất, bồi thường và chi phí khác (i)	33.642.634.419	33.642.634.419
Phải thu về phí chuyển giao công nghệ	2.156.568.000	2.453.568.000
Lãi dự thu	1.349.223.684	3.323.162.709
Ký quỹ, ký cược	2.028.531.481	280.781.720
Tạm ứng	188.752.780	608.396.694
Phải thu khác	2.793.963.370	3.380.012.682
	<b>42.159.673.734</b>	<b>43.688.556.224</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	3.156.314.300	4.925.066.100
Phải thu khác	231.138.449	340.382.231
	<b>3.387.452.749</b>	<b>5.265.448.331</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	2.660.737.000	4.975.840.336

(i) Đây là các chi phí của “Dự án Khu tái định cư và nhà ở CBCNV nhà máy gạch Tuynel tại xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô” được thực hiện với mục đích xây dựng nhà ở tập thể và khu dân cư cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Dự án được triển khai từ năm 2009, nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan về nhu cầu thị trường làm dự án chậm tiến độ nên Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 3791/QĐ-KHĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 chấm dứt hoạt động đầu tư đối với dự án này. Ngày 10 tháng 01 năm 2018, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 44/QĐ-UBND thu hồi đất đã giao cho Công ty thực hiện dự án, và giao UBND Huyện Hoàn Bô đề xuất phương án xử lý đối với tiền sử dụng đất và kinh phí giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi trả theo quy định của pháp luật. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hoàn Bô để tiến hành bàn giao đất cho địa phương, xác định giá trị và thực hiện các thủ tục bồi hoàn các khoản chi phí Công ty đã đầu tư vào dự án. Theo thông tin mà Ban Tổng Giám đốc Công ty được biết, hiện có một số nhà đầu tư đang quan tâm và đề xuất với UBND tỉnh Quảng Ninh để nghiên cứu thực hiện dự án và một vài nhà đầu tư đã trực tiếp tiếp xúc với Công ty để đề xuất phương án tiếp nhận dự án này. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, với tiềm năng, lợi thế của Dự án khi Huyện Hoàn Bô được sát nhập về Thành phố Hạ Long, Dự án sẽ thu hút được Nhà đầu tư mới và Công ty sẽ thu hồi được các chi phí đầu tư dự án đã bỏ ra để thực hiện dự án. Tuy nhiên, tuân thủ nguyên tắc thận trọng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tương ứng với phần chi phí san nền, tư vấn dự án và đền bù với số tiền 16,75 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12,67 tỷ đồng).

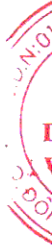
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
			VND			VND
UBND huyện Hoàn Bồ	33.642.634.419	16.754.634.419	16.888.000.000	33.642.634.419	12.673.150.299	20.969.484.120
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	4.651.792.071	3.349.854.883	1.301.937.188	6.669.895.407	5.367.958.219	1.301.937.188
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	3.004.169.000	3.004.169.000	-	3.004.169.000	3.004.169.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	1.001.925.000	1.001.925.000	-	1.001.925.000	1.001.925.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng	200.691.000	200.691.000	-	200.691.000	200.691.000	-
Các khoản phải thu khác	2.196.365.972	2.196.365.972	-	2.689.952.314	2.439.464.407	250.487.907
	<b>46.197.577.462</b>	<b>28.007.640.274</b>	<b>18.189.937.188</b>	<b>48.709.267.140</b>	<b>26.187.357.925</b>	<b>22.521.909.215</b>

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.



10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	218.015.312.172	-	254.016.967.304	-
Công cụ, dụng cụ	545.616.281	-	601.860.991	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.952.722.136	-	13.139.985.689	-
Thành phẩm	196.059.609.115	(13.099.184.419)	145.980.098.272	(9.650.643.541)
Hàng hoá	7.267.771.630	(508.068.300)	4.176.973.780	-
	<b>433.841.031.334</b>	<b>(13.607.252.719)</b>	<b>417.915.886.036</b>	<b>(9.650.643.541)</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng với số tiền là 0 VND (năm 2020: 1.072.663.839 VND) và trích lập dự phòng bổ sung với số tiền là 3.956.609.178 VND (năm 2020: 0 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có sự thay đổi so với giá trị thuần có thể thực hiện được khi tính toán trích lập đầu năm.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm	261.348.915	219.428.579
Các khoản khác	66.560.000	322.024.656
	<b>327.908.915</b>	<b>541.453.235</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí ban đầu của các mỏ đất sét (i)	18.567.166.802	18.406.368.604
Các khoản khác	1.419.360.769	176.254.063
	<b>19.986.527.571</b>	<b>18.582.622.667</b>

(i) Gồm chi phí cấp quyền khai thác, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí phát sinh ban đầu khác tại mỏ sét Xích Thổ. Các chi phí này được phân bổ vào giá thành đất nguyên liệu dựa trên khối lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác của từng mỏ. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, mỏ sét đất Xích Thổ chưa được đưa vào hoạt động khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	550.233.034.544	1.013.628.471.529	69.396.339.545	1.407.609.389	1.634.665.455.007
Mua trong năm	-	578.656.283	-	39.090.909	617.747.192
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	11.268.980.624	-	-	11.268.980.624
Tăng từ Tài sản cố định vô hình	-	8.866.218.760	-	-	8.866.218.760
Tăng khác	11.381.818	-	-	-	11.381.818
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>550.244.416.362</b>	<b>1.034.342.327.196</b>	<b>69.396.339.545</b>	<b>1.446.700.298</b>	<b>1.655.429.783.401</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	341.621.449.976	738.260.452.725	52.449.437.528	1.288.506.740	1.133.619.846.969
Khấu hao trong năm	29.044.741.363	44.978.483.328	3.879.205.680	49.006.663	77.951.437.035
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	4.779.092.552	-	-	4.779.092.552
Tăng từ Tài sản cố định vô hình	-	8.866.218.760	-	-	8.866.218.760
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>370.666.191.339</b>	<b>796.884.247.365</b>	<b>56.328.643.208</b>	<b>1.337.513.403</b>	<b>1.225.216.595.316</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	208.611.584.568	275.368.018.804	16.946.902.017	119.102.649	501.045.608.038
Tại ngày cuối năm	179.578.225.023	237.458.079.831	13.067.696.337	109.186.895	430.213.188.085

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để phù hợp với tuổi thọ kỹ thuật theo thiết kế, hiện trạng sử dụng và tình trạng thực tế của các nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị này. Nếu Công ty vẫn áp dụng thời gian hữu dụng như năm trước, chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 giảm khoảng 5,1 tỷ VND.

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 774.548.510.113 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 745.075.659.146 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 272.958.774.665 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 297.317.857.067 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 24, 25.



13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	16.203.695.169	6.363.814.545	22.567.509.714
Thuê tài chính trong năm	1.890.000.000	-	1.890.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.268.980.624)	-	(11.268.980.624)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.824.714.545</b>	<b>6.363.814.545</b>	<b>13.188.529.090</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	5.244.811.686	1.206.931.367	6.451.743.053
Khấu hao trong năm	1.790.341.542	967.174.524	2.757.516.066
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(4.779.092.552)	-	(4.779.092.552)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.256.060.676</b>	<b>2.174.105.891</b>	<b>4.430.166.567</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	10.958.883.483	5.156.883.178	16.115.766.661
Tại ngày cuối năm	4.568.653.869	4.189.708.654	8.758.362.523

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bảng sáng chế và thương hiệu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	7.869.559.466	584.890.909	8.866.218.760	17.320.669.135
Phân loại lại sang Tài sản cố định hữu hình	-	-	(8.866.218.760)	(8.866.218.760)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.869.559.466</b>	<b>584.890.909</b>	<b>-</b>	<b>8.454.450.375</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	965.332.623	323.651.764	6.157.096.350	7.446.080.737
Khấu hao trong năm	157.391.184	133.630.374	2.709.122.410	3.000.143.968
Phân loại lại sang Tài sản cố định hữu hình	-	-	(8.866.218.760)	(8.866.218.760)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.122.723.807</b>	<b>457.282.138</b>	<b>-</b>	<b>1.580.005.945</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	6.904.226.843	261.239.145	2.709.122.410	9.874.588.398
Tại ngày cuối năm	6.746.835.659	127.608.771	-	6.874.444.430

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 203.090.909 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 94.000.000 VND).

Quyền sử dụng đất phản ánh giá trị lô đất tại khu 2 đường An Tiêm, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có tổng diện tích là 2.976,92 m<sup>2</sup>, được sử dụng để xây dựng khu dân cư và nhà ở tập thể cán bộ công nhân viên tại phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Thời hạn sử dụng là 50 năm đến ngày 12 tháng 11 năm 2064.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	22.000.000.000	23.145.345.411	(i)	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (ii)	40.000.000.000	65.201.972.839	48.400.000.000	40.000.000.000
	<b>62.000.000.000</b>	<b>88.347.318.250</b>		<b>62.000.000.000</b>
				<b>90.851.686.259</b>
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	2.000.000.000	1.434.948.615	(i)	2.000.000.000
	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.434.948.615</b>		<b>2.000.000.000</b>
				<b>282.943.579</b>

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán UpCom tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Thông tin tình hình hoạt động các công ty liên kết:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

**Biến động các khoản đầu tư liên kết:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>90.851.686.259</b>	<b>84.036.149.600</b>
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	1.695.631.991	6.815.536.659
Cổ tức được nhận	(4.200.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>88.347.318.250</b>	<b>90.851.686.259</b>

Trong năm, các giao dịch giữa Công ty và các công ty liên kết chủ yếu liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét và các hoạt động tài chính liên quan đến cổ tức, lợi nhuận được chia (chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Đại Thắng	13.701.032.070	13.701.032.070	24.556.517.920	24.556.517.920
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển 368	9.688.628.664	9.688.628.664	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ In và Bao bì Đại Phúc Hải	2.377.664.058	2.377.664.058	2.257.082.553	2.257.082.553
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đồng Á	2.385.137.240	2.385.137.240	998.588.682	998.588.682
Công ty Cổ phần Thiết bị Quốc tế TPT	1.863.164.216	1.863.164.216	4.452.075.634	4.452.075.634
Công ty Cổ phần Bao bì và Mía phan Viglacera	1.048.068.216	1.048.068.216	567.203.656	567.203.656
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư phát triển Phương Anh	3.261.500	3.261.500	12.465.392.500	12.465.392.500
Công ty TNHH Đông Thiên Phú HD	-	-	6.180.875.250	6.180.875.250
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hoàng Quân	-	-	2.196.526.200	2.196.526.200
Các công ty khác	58.462.524.359	58.462.524.359	48.417.245.093	48.417.245.093
	<b>89.529.480.323</b>	<b>89.529.480.323</b>	<b>102.091.507.488</b>	<b>102.091.507.488</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan  
(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)

4.264.671.222 4.264.671.222 3.315.923.921 3.315.923.921



17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Mao Kim Sean Depot	4.368.998.270	4.335.278.669
Trần Thị Toàn - Đại lý cấp 1	1.637.961.708	2.984.442.175
Công ty TNHH Đức Thắng	1.130.355.815	1.358.257.602
Trần Đức Hùng - Đại lý cấp 1	304.588.665	2.441.453.236
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Gia bình	205.046.826	2.700.198.550
Các khách hàng khác	8.645.295.562	27.387.243.737
	<b>16.292.246.846</b>	<b>41.206.873.969</b>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Tiền thuê đất	1.000.336.953	-	255.645.150	744.691.803
Khác	32.450.947	-	-	32.450.947
<b>Cộng</b>	<b>1.032.787.900</b>	<b>-</b>	<b>255.645.150</b>	<b>777.142.750</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.497.401.311	42.604.994.516	40.003.018.437	5.099.377.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.513.093.229	11.118.218.219	12.701.038.219	6.930.273.229
Thuế thu nhập cá nhân	2.458.282.010	2.915.607.053	2.967.840.881	2.406.048.182
Thuế tài nguyên	636.731.485	4.612.165.091	4.608.825.243	640.071.333
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.414.672.392	3.414.672.392	-
Khác	70.398.974	919.763.730	915.199.231	74.963.473
<b>Cộng</b>	<b>14.175.907.009</b>	<b>65.585.421.001</b>	<b>64.610.594.403</b>	<b>15.150.733.607</b>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Phân loại lại) VND
Lãi vay dự trả	3.299.792.643	3.882.122.137
Chi phí hội nghị khách hàng	4.271.400.000	7.387.400.000
Chi phí phải trả khác	808.913.500	431.545.454
	<b>8.380.106.143</b>	<b>11.701.067.591</b>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê nhà của nhân viên thu trước (i)	639.800.000	639.800.000
	<b>639.800.000</b>	<b>639.800.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê nhà của nhân viên thu trước (i)	11.199.835.935	11.839.635.935
	<b>11.199.835.935</b>	<b>11.839.635.935</b>

(i) Doanh thu chưa thực hiện phản ánh khoản doanh thu cho nhân viên thuê nhà đã được thanh toán trước và kết chuyển ghi nhận doanh thu theo từng tháng.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả CBNV khi hoàn tạm ứng	1.833.391.404	2.289.631.695
Tiền thưởng cho Ban điều hành và người lao động	2.035.374.730	2.035.374.730
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.212.533.377	1.137.218.762
Kinh phí đào tạo	661.178.496	661.178.496
Nhận ký quỹ ký cược	677.200.000	793.968.000
Phải trả, phải nộp khác	1.927.475.255	1.859.981.159
	<b>8.347.153.262</b>	<b>8.777.352.842</b>

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Phân loại lại) VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	9.089.045.176	7.265.725.150
	<b>9.089.045.176</b>	<b>7.265.725.150</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	2.750.000.000	5.562.379.372
	<b>2.750.000.000</b>	<b>5.562.379.372</b>

(i) Chi phí hoàn nguyên môi trường trích vào chi phí sản xuất trong năm và được Công ty sử dụng khi thực hiện hoàn nguyên môi trường các mỏ sét.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>76,886,379,295</b>	<b>63,029,089,148</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	8,138,451,085	15,601,421,179
Thu quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	976,048,000	929,741,000
Chi quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	(3,371,905,523)	(2,673,872,032)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>82,628,972,857</b>	<b>76,886,379,295</b>

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (i)	76.258.838.763		453.665.045.874	467.201.364.333	62.722.520.304	
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 25)	73.465.082.496		4.083.446.312	74.708.068.208	2.840.460.600	
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 25)	9.100.000.000		49.543.016.273	9.100.000.000	49.543.016.273	
	<b>158.823.921.259</b>		<b>507.291.508.459</b>	<b>551.009.432.541</b>	<b>115.105.997.177</b>	

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay cá nhân tiền lương đào tạo	VND	Theo thỏa thuận	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	267.560.000	267.860.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản cố định	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	57.584.659.601	70.654.524.849
Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Hạ Long	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản cố định	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	-	2.695.127.310
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bãi Cháy	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản cố định	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	4.870.300.703	2.641.326.604
					<b>62.722.520.304</b>	<b>76.258.838.763</b>

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	VND
Vay dài hạn (i)	138.467.075.242		41.143.016.273	112.114.092.803	67.495.998.712	
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	6.453.094.450		1.455.300.000	3.683.180.526	4.225.213.924	
	<b>144.920.169.692</b>		<b>42.598.316.273</b>	<b>115.797.273.329</b>	<b>71.721.212.636</b>	
<i>Trong đó:</i>						
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	82.565.082.496				52.383.476.873	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	62.355.087.196				19.337.735.763	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất/năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bãi Cháy</b> - Hợp đồng tín dụng số VND 77/2016- HDTDDA/NHCT307-VHL		Theo chế độ lãi suất	2021	Thế chấp bằng tài sản cố định	Đầu tư 02 xe nâng và trạm biến áp 2500 KVA cho nhà máy gạch Cotto	-	300.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh</b> - Hợp đồng tín dụng số VND 179A/2016/HĐTDTH- PN/SHB.110301		Theo từng kế ước nhận nợ	2022	Tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Đầu tư mở rộng ủ phối liệu tại NM gạch Tiêu Giao"	Đầu tư mở rộng ủ phối liệu tại nhà máy gạch Tiêu Dao	-	940.450.000
- Hợp đồng tín dụng số VND 68A/2017/HĐTDTH- PN/SHB.110301		Theo từng kế ước nhận nợ	2024	Các hạng mục công trình, thiết bị, giá trị tài sản thuộc dự án "Đầu tư chuyển đổi sản xuất 100% ngói lợp (Giai đoạn II) tại nhà máy gạch Hoàng Bồ"	Đầu tư Dự án chuyển đổi sản xuất 100% ngói lợp GD 2 tại Nhà máy gạch Hoàng Bồ	-	6.982.380.968
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long</b> Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số VND 2017/DDTDA3/VTC- VCBHL ngày 10/01/2018		Theo thỏa thuận	2025	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có từ Dự án sản xuất ngói 18 viên/m2 trên dây chuyền 2 tại Nhà máy gạch Clinker	Đầu tư Dự án sản xuất ngói 18 viên/m2 trên dây chuyền 2	10.617.928.947	15.317.928.947
Hợp đồng số VND 2016/DTDA2/VTC-VCBHL ngày 29/02/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 2016/DTDA2/VTC-VCBHL ngày 31/03/2016		Theo thỏa thuận	2023	Toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Dự án nhà máy gạch Clinker Viglacera giai đoạn 2 được hình thành trong tương lai và hình thành từ vốn vay của công ty	Đầu tư Dự án Nhà máy gạch Clinker Viglacera Giai đoạn 2	12.799.653.492	25.599.653.492
<b>Đối tượng khác</b> Vay cá nhân VND		Theo thỏa thuận	2021	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	41.143.016.273	86.268.261.835
Khoản vay Bàn tay vàng VND		Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn	Theo hợp đồng	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	2.935.400.000	3.058.400.000
						<b>67.495.998.712</b>	<b>138.467.075.242</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

(ii) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn theo đối tượng:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Tài sản thuê tài chính	Số đầu năm	
						VND	VND
<b>Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease</b>							
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B211125913 ngày 23/11/2021	VND	Lãi suất thả nổi	2022	Ký cược bảo đảm	Máy xúc Komatsu cho Nhà máy gạch Cotto	1.334.025.000	-
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B1907156P2 ngày 29/07/2019	VND	Lãi suất thả nổi	2022	Ký cược bảo đảm	Máy tách đá	718.987.500	1.951.537.500
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B191234111 ngày 31/12/2019	VND	Lãi suất thả nổi	2022	Ký cược bảo đảm	Xe ô tô Fortuner	343.154.672	698.117.336
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B200624913 ngày 25/06/2020	VND	Lãi suất thả nổi	2023	Ký cược bảo đảm	Xe nâng KOMATSU	222.250.004	370.416.668
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B2010283P2 ngày 11/11/2020	VND	Lãi suất thả nổi	2023	Ký cược bảo đảm	Máy phay CNC Tiêu Giao	213.027.346	329.224.078
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B1907131P2 ngày 29/07/2019	VND	Lãi suất thả nổi	2021	Ký cược bảo đảm	Máy biến áp 18000KVA	-	205.507.492
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B1803073P2 ngày 14/03/2018	VND	Lãi suất thả nổi	2021	Ký cược bảo đảm	Máy ép ngói 13PV	-	626.489.906
<b>Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>							
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 92.19.03/CTTC ngày 05/04/2019	VND	Lãi suất thả nổi	2024	Ký cược bảo đảm	Xe ô tô Toyota Fortuner 2.7 AT(FX)	1.010.537.096	1.428.690.368
<b>Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</b>							
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 15.19.11/CTTC ngày 04/10/2019	VND	Lãi suất thả nổi	2022	Ký cược bảo đảm	Xe ô tô Ford Explorer Titanium	383.232.306	843.111.102
						<b>4.225.213.924</b>	<b>6.453.094.450</b>

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	52.383.476.873	82.565.082.496
Trong năm thứ hai	16.138.941.325	40.445.649.413
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	263.394.438	14.233.108.836
Sau năm năm	2.935.400.000	7.676.328.947
	<b>71.721.212.636</b>	<b>144.920.169.692</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	52.383.476.873	82.565.082.496
Số phải trả sau 12 tháng	<b>19.337.735.763</b>	<b>62.355.087.196</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA HẠ LONG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN/HN**

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>49.171.810.665</b>	<b>206.800.890.220</b>	<b>11.811.512.409</b>	<b>161.164.395.197</b>	<b>145.000.000</b>	<b>679.093.608.491</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	83.943.976.320	-	83.943.976.320		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(67.514.500.000)	-	(67.514.500.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.800.000.000	-	(37.800.000.000)	-	-		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(15.601.421.179)	-	(15.601.421.179)		
Trả thù lao của Hội đồng Quản trị tại Công ty mẹ và Công ty con	-	-	-	-	(958.000.000)	-	(958.000.000)		
Chi thường Ban điều hành và người lao động	-	-	-	-	(5.200.000.000)	-	(5.200.000.000)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>49.171.810.665</b>	<b>244.600.890.220</b>	<b>11.811.512.409</b>	<b>118.034.450.338</b>	<b>145.000.000</b>	<b>673.763.663.632</b>		
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>49.171.810.665</b>	<b>244.600.890.220</b>	<b>11.811.512.409</b>	<b>118.034.450.338</b>	<b>145.000.000</b>	<b>673.763.663.632</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.014.583.893	-	44.014.583.893		
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(55.008.700.000)	-	(55.008.700.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	15.170.161.486	-	(15.170.161.486)	-	-		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(8.138.451.085)	-	(8.138.451.085)		
Trả thù lao của Hội đồng Quản trị tại Công ty mẹ và Công ty con (i)	-	-	-	-	(958.000.000)	-	(958.000.000)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>49.171.810.665</b>	<b>259.771.051.706</b>	<b>11.811.512.409</b>	<b>82.773.721.660</b>	<b>145.000.000</b>	<b>653.673.096.440</b>		

(i) Công ty thực hiện trích các quỹ, chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và chia cổ tức theo Nghị quyết của Địa hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ và các công ty con.



**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	25.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	25.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 số, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 VND, tổng số cổ phiếu là 25.000.000 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Vốn đã góp</b>			
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND		VND	
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	126.192.500.000	50,48%	126.192.500.000	50,48%
Cổ đông khác	123.807.500.000	49,52%	123.807.500.000	49,52%
	<b>250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	55.374,81	44.517,43

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
KELLER HCWGMBH	6.281.557.600	6.281.557.600

28. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.621.893.955.935	1.901.296.205.178
<i>Doanh thu bán hàng nội địa</i>	<i>1.564.580.546.193</i>	<i>1.740.777.410.159</i>
<i>Doanh thu bán hàng xuất khẩu</i>	<i>57.313.409.742</i>	<i>160.518.795.019</i>
Doanh thu bán đất sét, vật tư và doanh thu khác	14.211.621.652	3.431.811.059
	<b>1.636.105.577.587</b>	<b>1.904.728.016.237</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)</i>	<b>29.100.067.430</b>	<b>10.770.870.140</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	(46.800.432)	-
Hàng bán bị trả lại	(101.993.800)	-
Chiết khấu thương mại	-	(6.419.469.091)
	<b>(148.794.232)</b>	<b>(6.419.469.091)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.635.956.783.355</b>	<b>1.898.308.547.146</b>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.364.247.515.827	1.556.551.669.315
- <i>Giá vốn hàng nội địa</i>	<i>1.328.947.536.305</i>	<i>1.436.049.590.343</i>
- <i>Giá vốn hàng xuất khẩu</i>	<i>35.299.979.522</i>	<i>120.502.078.972</i>
Giá vốn bán đất sét, vật tư và giá vốn khác	14.211.621.652	3.431.811.059
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.956.609.178	(1.072.663.839)
	<b>1.382.415.746.657</b>	<b>1.558.910.816.535</b>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.837.443.730	610.020.954.950
Chi phí nhân công	317.259.493.952	333.590.147.956
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.019.102.258	15.564.875.737
Chi phí khấu hao	83.709.097.069	86.071.450.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.967.449.496	161.046.502.923
Chi phí khác	177.854.938.772	158.376.226.661
Trích lập các khoản dự phòng	10.987.832.181	16.924.623.730
	<b>1.286.635.357.458</b>	<b>1.381.594.782.447</b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.438.117.236	2.458.632.719
Lãi chênh lệch tỷ giá	573.157.737	2.340.000.000
Cổ tức được chia	-	135.572.221
	<b>2.011.274.973</b>	<b>4.934.204.940</b>

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.621.679.595	19.254.130.922
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.152.005.036	282.943.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá	194.431.579	102.299.141
	<b>17.968.116.210</b>	<b>19.639.373.642</b>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	27.864.910.400	25.854.217.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.410.494	1.214.302.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.822.225.579	837.158.071
Trích lập dự phòng	1.820.282.349	12.113.192.198
Chi phí khác	22.147.804.316	28.275.775.219
	<b>54.873.633.138</b>	<b>68.294.645.347</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	14.204.242.152	13.594.319.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	391.310.904	391.310.904
Phí thương hiệu	3.323.311.000	3.722.302.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.035.978.782	61.218.664.274
Chi phí khác	82.436.368.511	87.897.876.057
	<b>131.391.211.349</b>	<b>166.824.472.884</b>

**34. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền đền bù đất làm đường	1.406.534.000	-
Thu từ nhượng quyền công nghệ	788.690.569	1.052.000.000
Thu nhập từ cho CBNV thuê nhà	826.670.647	1.029.332.921
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	841.561.818
Thu nhập do chuyển TSCĐ hình thành từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ sang sản xuất kinh doanh	-	9.462.644.061
Các khoản khác	684.556.808	355.201.538
	<b>3.706.452.024</b>	<b>12.740.740.338</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	44.014.583.893	83.943.976.320
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (VND) (i)	(146.474.000)	(8.949.977.085)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>43.868.109.893</b>	<b>74.993.999.235</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.755</b>	<b>3.000</b>

(i) Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2020 được trình bày lại chủ yếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được trình bày trên báo cáo năm trước là 3.532 VND).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa xác định số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 tại Công ty và Công ty Cổ phần gạch Clinker Viglacera - công ty con của Công ty, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay có thể sẽ thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích quỹ này trong tương lai.

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	11.118.218.219	22.306.127.428
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.118.218.219</b>	<b>22.306.127.428</b>

**b. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	(1.190.489.315)	1.511.766.296
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(1.190.489.315)</b>	<b>1.511.766.296</b>



37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Lịch chi trả cho cam kết thuê hoạt động:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.912.900.804	4.200.214.929
Trên 1 năm đến 5 năm	9.614.817.519	10.563.676.394
Trên 5 năm	52.393.215.559	54.625.434.913
	<b>64.920.933.882</b>	<b>69.389.326.236</b>

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa bàn trong tỉnh Quảng Ninh như sau:

- Các hợp đồng thuê đất tại huyện Hoành Bồ để sử dụng với mục đích Xây dựng nhà máy gạch Hoành Bồ, Khu nhà tập thể của cán bộ công nhân viên, Khai thác các mỏ sét, Xây dựng bãi chứa và cảng xuất nguyên liệu,... Thời hạn thuê đất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích đất thuê của Công ty tại huyện Hoành Bồ là 402.389,1 m<sup>2</sup>;
- Các hợp đồng thuê đất tại phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long để sử dụng với mục đích Xây dựng Văn phòng Công ty, Nhà máy gạch Tiêu Giao, Kho chứa đất, Khai thác các mỏ sét, Xây dựng cảng và bãi chứa thành phẩm,... Thời hạn thuê đất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích đất thuê của Công ty tại phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long là 349.601,3 m<sup>2</sup>;
- Các hợp đồng thuê đất tại phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều để sử dụng với mục đích khai thác xây dựng nhà máy, bãi chứa nguyên liệu và khu tập thể cho công nhân. Thời hạn thuê đất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích đất thuê của Công ty tại thị xã Đông Triều là 139.157,8 m<sup>2</sup>;
- Các hợp đồng thuê đất tại phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long để sử dụng với mục đích Xây dựng khu văn phòng và phân xưởng sản xuất của Nhà máy gạch Cotto, Xây dựng khu dân cư và nhà ở tập thể, Khai thác các mỏ sét,... Thời hạn thuê đất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích đất thuê của Công ty tại phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long là 169.332,4 m<sup>2</sup>;
- Các hợp đồng thuê đất tại thị xã Đông Triều để sử dụng với mục đích khai thác các mỏ sét tại phường Kim Sơn và thị trấn Mạo Khê. Thời hạn thuê đất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích đất thuê của Công ty tại thị xã Đông Triều là 51.202,6 m<sup>2</sup>;
- Hợp đồng thuê 2.100 m<sup>2</sup> kho tại Phường An Bình, Thành phố Dĩ An tỉnh Bình dương, hợp đồng thuê kho được kí với thời hạn 12 tháng tính từ tháng 6 năm 2021;
- Hợp đồng thuê 2.150 m<sup>2</sup> kho tại Phường Hòa Châu, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, hợp đồng thuê kho được kí với thời hạn 12 tháng tính từ tháng 01 năm 2021.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Công ty cùng tập đoàn

*Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>	<b>29.100.067.430</b>	<b>10.770.870.140</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	13.981.369.362	1.683.729.850
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	9.863.946.666	5.359.373.579
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.147.599.082	3.727.766.711
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	107.152.320	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>285.963.585.106</b>	<b>441.823.193.064</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	274.150.651.056	333.532.893.054
Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	6.492.501.800	2.638.943.900
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	3.470.211.000	3.869.502.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	1.470.205.250	2.304.219.050
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	270.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	110.016.000	99.477.635.060
<b>Trả cổ tức</b>	<b>53.766.740.140</b>	<b>67.731.356.274</b>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	27.762.350.000	34.071.975.000
Các cổ đông khác	26.004.390.140	33.659.381.274
<b>Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>2.340.000.000</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	2.200.000.000	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	-	140.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.506.745.577</b>	<b>6.337.365.837</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	8.811.569.499	3.919.896.800
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.201.949.698	1.900.840.071
Công ty Cổ phần kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	1.493.226.380	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	516.628.966
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>6.424.304.844</b>	<b>6.268.865.793</b>
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	2.892.350.402	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long II	531.954.442	1.268.865.793
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>2.660.737.000</b>	<b>4.975.840.336</b>
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	1.004.169.000	1.004.169.000
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	750.952.000	2.769.055.336
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	704.925.000	1.001.925.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng	200.691.000	200.691.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.264.671.222</b>	<b>3.315.923.921</b>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	3.216.603.006	2.476.642.800
Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	1.048.068.216	567.203.656
Công ty Cổ phần kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	-	272.077.465

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.734.109.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
Ông Trần Hồng Quang	736.843.600	763.200.000
Ông Phạm Duy Huân	498.632.700	518.400.000
Ông Trần Duy Hưng	498.632.700	518.400.000
<b>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị</b>	<b>589.500.000</b>	<b>384.000.000</b>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	84.000.000	84.000.000
Ông Đinh Quang Huy	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	60.000.000	60.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đức Minh	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Đình Thế	60.000.000	60.000.000
Ông Nhâm Sỹ Tiện	205.500.000	-

(Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2021)

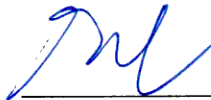
39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 3.299.792.643 VND (năm 2020: 3.882.122.137 VND) là số tiền phải trả về lãi vay. Do vậy, một khoản tương ứng sẽ được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải trả.



Đinh Thu Hằng  
Người lập biểu



Phạm Minh Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Hồng Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

